

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 12 và năm 2019

Tình hình kinh tế - xã hội Thành phố năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm do tác động từ việc Mỹ áp thuế nhập khẩu lên hàng hoá của Trung quốc. Căng thẳng thương mại và địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính không chắc chắn của hệ thống thương mại toàn cầu cũng như hoạt động hợp tác quốc tế nói chung, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Các quốc gia theo đuổi chính sách nới lỏng tiền tệ để giảm nhẹ ảnh hưởng của suy thoái toàn cầu. Trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát dưới chỉ tiêu quốc hội đề ra, song vẫn phải đối mặt với không ít khó khăn: nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu giảm do cam kết giảm giá các mặt hàng và phụ thuộc nhiều vào khối doanh nghiệp FDI, tỷ giá USD tăng, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thấp nhất trong nhiều năm qua khiến nhiều dự án, công trình xây dựng phải giãn tiến độ; tình trạng sốt đất, đầu cơ ảo lan ra trên nhiều tỉnh, thành; biến đổi khí hậu diễn ra phức tạp, bão lũ ở các tỉnh phía Bắc và miền Trung; ngành chăn nuôi chịu ảnh hưởng của bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Tất cả đều tác động đến kinh tế cả nước nói chung và Thành phố nói riêng.

Điểm nổi bật trong kết quả điều hành kinh tế - xã hội năm 2019 của Thành phố là môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, thủ tục hành chính có nhiều tiến bộ; việc lập lại trật tự đô thị, kỷ cương hành chính, siết chặt tình trạng xây dựng không phép được người dân ủng hộ. Nhiều chính sách, giải pháp được triển khai để thực hiện thắng lợi Nghị quyết 54/2019/QH14 ngày 24/11/2018, tạo động lực cho Thành phố phát triển nhanh hơn nữa trong những năm về sau.

PHẦN A – KINH TẾ

I. TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP năm 2019 ước đạt 1.344.743 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Tính theo giá so sánh 2010 đạt 978.308 tỷ đồng, tăng 7,86% so với cùng kỳ .

Trong mức tăng trưởng chung 7,86% của kinh tế Thành phố: khu vực nông lâm thuỷ sản tăng 4,37%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,19%, đóng góp 1,59 điểm phần trăm; khu vực thương mại dịch vụ tăng 8,51%, đóng góp 5,18 điểm phần trăm.

– Khu vực nông lâm thuỷ sản có mức tăng 4,37%, xấp xỉ mức tăng của cùng kỳ.

– Khu vực công nghiệp và xây dựng vẫn là khu vực có mức tăng trưởng ổn định trong 2 năm gần đây: ngành công nghiệp tăng 7,51%, cùng kỳ có mức tăng 8,17%; ngành xây dựng tăng thấp 0,76%, cùng kỳ có mức tăng 7,95%.

– Khu vực thương mại dịch vụ có mức tăng 8,51% (cùng kỳ năm trước có mức tăng 8,01%) do nguồn hàng cung ứng đa dạng, phong phú, giá cả ổn định; xu hướng tiêu dùng của người dân thay đổi, tập trung vào những hàng hoá, dịch vụ có chất lượng tốt; Thành phố đã phát triển nhanh hệ thống phân phối, bán lẻ hiện đại với sự cạnh tranh quyết liệt của doanh nghiệp nước ngoài với doanh nghiệp trong nước. Một số ngành khác có mức tăng khá như: vận tải kho bãi tăng 11,43%, lưu trú, ăn uống tăng 8,39%, dịch vụ hoạt động chuyên môn KHCN tăng 6,77%, giáo dục và đào tạo tăng 7,26%, y tế tăng 7,0%.

Tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2019

	Tổng GRDP (Tỷ đồng - giá hiện hành)	Tổng GRDP (Tỷ đồng - giá so sánh 2010)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm 2018 (%)	Đóng góp vào tốc độ tăng (điểm %)
Tổng số	1.344.743	978.308	7,86	7,86
<i>Chia theo khu vực</i>				
- Nông lâm thủy sản	8.799	5.500	4,37	0,03
- Công nghiệp và xây dựng	341.994	247.460	6,19	1,59
+ Công nghiệp	280.161	201.658	7,51	1,55
+ Xây dựng	61.833	45.802	0,76	0,04
- Thương mại - Dịch vụ	822.762	599.475	8,51	5,18
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	171.188	125.873	8,23	1,06

Về cơ cấu kinh tế, xét theo giá hiện hành: khu vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 0,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 25,4%; khu vực thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng 61,2%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 12,7%.

*** Về tỷ trọng đóng góp của 9 ngành dịch vụ trọng yếu trong GRDP của Thành phố năm 2019**

Khu vực dịch vụ	GRDP giá hiện hành (Tỷ đồng)	Tỷ trọng so với GRDP (%)	Tỷ trọng nội bộ ngành của khu vực dịch vụ (%)
Trong đó 9 ngành dịch vụ	739.244	55,0	89,8
G. Thương nghiệp bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	198.267	14,7	24,1
H. Vận tải kho bãi	134.762	10,0	16,4
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	37.589	2,8	4,6
J. Thông tin và truyền thông	59.052	4,4	7,2
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	109.168	8,1	13,3
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	55.661	4,1	6,8
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	64.288	4,8	7,8
P. Giáo dục và đào tạo	42.733	3,2	5,2
Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	37.726	2,8	4,6

9 ngành dịch vụ chiếm 55% trong GRDP, chiếm 89,8% trong khu vực dịch vụ. Trong đó, 4 ngành chiếm tỷ trọng cao là thương nghiệp (24,1%), vận tải kho bãi (16,4%), hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (7,8%), tài chính ngân hàng (13,3%) - đây là những ngành là chủ đạo chiếm 37,6% trong GRDP, chiếm 61,6% nội bộ khu vực dịch vụ.

Kết quả hoạt động của các ngành dịch vụ trong Khu vực dịch vụ có một số điểm đáng chú ý sau:

– Ngành thương nghiệp bán buôn, bán lẻ: là ngành có số lượng cơ sở hoạt động nhiều nhất, tạo ra giá trị tăng thêm cao nhất 198.267 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,7% trong tổng GRDP và chiếm 24,1% trong khu vực dịch vụ. So sánh tỷ trọng của các ngành khác trong tổng GRDP của Thành phố thì ngành thương mại chỉ đứng thứ 2 sau ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Ngành này có mức tăng 8,67% cao hơn mức tăng của cùng kỳ năm ngoái 8,36%. Nguyên nhân chất lượng hàng hoá, giá cả các mặt hàng ổn định; nhu cầu mua sắm trong giới trẻ tăng; sự phát triển của thương mại điện tử.

– Ngành vận tải kho bãi: đạt 134.762 tỷ đồng, chiếm 10% trong tổng GRDP và 16,4% trong khu vực dịch vụ. Đây là ngành có vị trí quan trọng thứ 2 trong 9 ngành dịch vụ, có mức tăng trưởng cao nhất 11,43% so với cùng kỳ.

– Ngành khách sạn, nhà hàng (lưu trú và ăn uống): đạt 37.589 tỷ đồng, chiếm 2,8% trong tổng GRDP và 4,6% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 8,39% so với cùng kỳ, đây là mức tăng cao nhất trong 5 năm gần đây;

– Ngành thông tin truyền thông: đạt 59.052 tỷ đồng, chiếm 4,4% trong tổng GRDP và 7,2% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 8,51% so với cùng kỳ;

– Ngành tài chính, ngân hàng: đạt 109.168 tỷ đồng, chiếm 8,1% trong tổng GRDP và 13,3% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 9,19% so với cùng kỳ;

– Ngành kinh doanh bất động sản¹ đạt 55.661 tỷ đồng, chiếm 4,1% trong tổng GRDP và 6,8% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 4,21%. Khác với lĩnh vực xây dựng nhà ở khan hiếm dự án xây mới, ngành kinh doanh bất động sản ngay từ đầu năm đã có hiện tượng tăng giá tại nhiều nơi. Bên cạnh chấn chỉnh công tác cấp phép xây dựng, UBND Thành phố đã có động thái kiểm tra, xử phạt việc tung tin nâng giá đất, góp phần hạ nhiệt thị trường BĐS.

– Ngành hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ² đạt 64.288 tỷ đồng, chiếm 4,8% trong tổng GRDP và 7,8% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 6,77% so với cùng kỳ;

¹ Theo phân ngành kinh tế quốc dân, ngành bất động sản chỉ bao gồm hoạt động: mua bán BĐS, cho thuê BĐS và dịch vụ môi giới liên quan đến BĐS (hoạt động xây dựng BĐS đã tính vào ngành xây dựng).

² Ngành hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ bao gồm các ngành dịch vụ chuyên môn như: dịch vụ kế toán, kiểm toán, tư vấn pháp luật, công chứng và chứng thực, tư vấn quản lý; dịch vụ kỹ thuật, kiến trúc, đo đạc, nghiên cứu khoa học; quảng cáo, nghiên cứu thị trường; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ, thiết kế chuyên dụng.

– Ngành giáo dục và đào tạo: đạt 42.733 tỷ đồng, chiếm 3,2% trong tổng GRDP và 5,2% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 7,26% so với cùng kỳ;

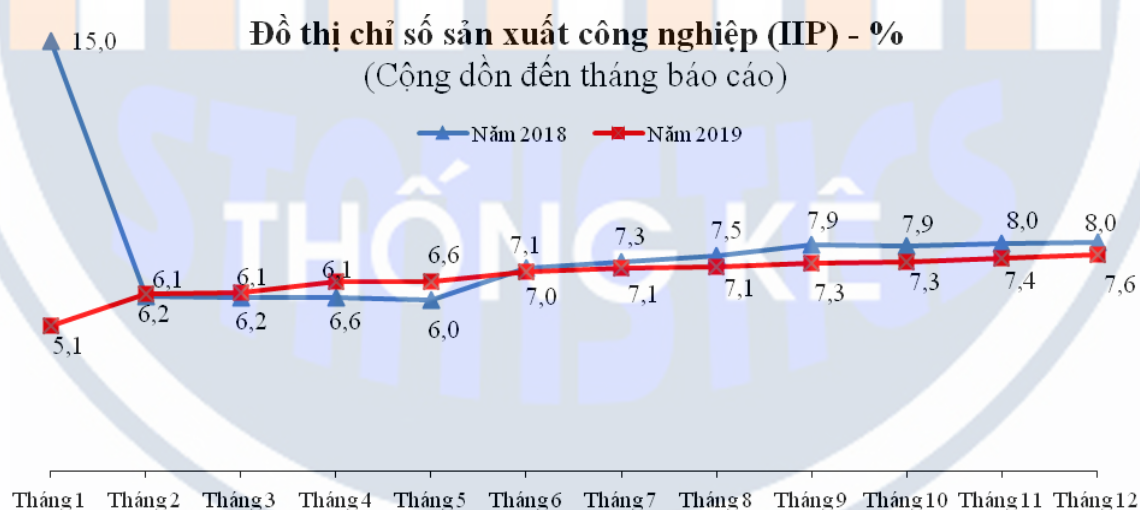
– Ngành Y tế: đạt 37.726 tỷ đồng, chiếm 2,8% trong tổng GRDP và 4,6% trong khu vực dịch vụ, tăng 7,0% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do đời sống được nâng cao, người dân quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe, nhu cầu khám chữa bệnh dịch vụ tăng.

II. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 12 năm 2019 ước tính tăng 4,8% so với tháng trước, trong đó ngành công nghiệp khai thác vẫn tiếp tục không có hợp đồng dịch vụ hỗ trợ khai khoáng; công nghiệp chế biến tăng 4,7%; sản xuất và phân phối điện giảm 1,9% do tháng 11 có mức tăng cao; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 16,5%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp quý IV/2019 tăng 7,2% so với quý III/2019 và tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó: ngành công nghiệp khai thác giảm 88,4% so với cùng kỳ năm 2018; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,6%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,4%; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 6,3%.

Tính chung 12 tháng đầu năm 2019, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố **tăng 7,6%** so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, ngành khai thác giảm 44,7% do động dịch vụ hỗ trợ khai thác giảm; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,0%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,4%; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 2,9%.



Trong năm 2019, các ngành công nghiệp cấp 2 hầu hết đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ, cụ thể có 23/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước, đóng góp vào tăng trưởng chung của toàn ngành. Trong đó, một số ngành có mức tăng khá như: sản xuất kim loại tăng 44,8%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 33,2%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 20,7%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị tăng 15,9%; sản xuất thiết

bị điện tăng 15,0%. Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm mạnh so cùng kỳ như: Hoạt động hỗ trợ khai thác giảm 46,1%; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 24,0%.

Một số ngành công nghiệp chủ yếu có chỉ số sản xuất lũy kế 12 tháng đầu năm tăng cao hơn chỉ số sản xuất chung của toàn ngành công nghiệp như: sản xuất sản phẩm điện tử tăng 20,7%; sản xuất thiết bị điện tăng 15,0%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 12/2019 so với tháng 11/2019	Năm 2019 so với năm 2018
Tổng số	104,8	107,6
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>		
1. Công nghiệp khai khoáng	0,0	55,3
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	104,7	108,0
3. SX và phân phối điện	98,1	107,4
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	116,5	102,9
<i>Một số ngành chủ yếu</i>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	102,9	98,0
2. Sản xuất đồ uống	102,2	107,4
3. Sản xuất trang phục	100,2	104,7
4. Sản xuất da và SP liên quan	103,3	99,4
5. SX hóa chất và SP hóa chất	98,7	100,5
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	103,6	99,0
7. SP. từ khoáng phi kim loại	95,8	99,7
8. Sản xuất SP điện tử	101,9	120,1
9. Sản xuất thiết bị điện	107,6	115,0
10. Sản xuất xe có động cơ	100,6	100,5

Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm: Chỉ số sản xuất công nghiệp 12 tháng năm 2019 tăng **6,3%** so với năm 2018, thấp hơn 1,3 điểm phần trăm so với chỉ số sản xuất chung của toàn ngành công nghiệp, trong đó: ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống chỉ tăng 1,4% so với cùng kỳ, thấp 4,9 điểm phần trăm so với mức tăng chung 4 ngành công nghiệp trọng điểm; ngành hóa dược tăng 1,8% so cùng kỳ, nhưng thấp hơn 4,5 điểm phần trăm so với mức tăng chung 4 ngành công nghiệp trọng điểm. Nguyên nhân, do một số doanh nghiệp lớn đã và đang có xu hướng dịch chuyển nhà máy sang các tỉnh lân cận do có lợi thế về lao động, giá thuê đất và các chính sách ưu đãi khác.

Các ngành công nghiệp trọng điểm khác vẫn duy trì mức tăng cao: Ngành điện tử tăng 20,7%; ngành cơ khí tăng 8,8% do các doanh nghiệp điện tử thường xuyên ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất với các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao và có thị trường tiêu thụ ổn định.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

Đơn vị tính: %

	Tháng 12 so so tháng 11	Năm 2019 so với năm 2018
Tổng số	102,5	106,3
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	102,6	101,4
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	102,9	98,0
11-Sản xuất đồ uống	102,2	107,4
B-Ngành hóa dược	100,8	101,8
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	98,7	100,5
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	97,6	113,7
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	103,6	99,0
C-Ngành sản xuất hàng điện tử	101,9	120,7
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	101,9	120,7
D-Nhóm ngành cơ khí	104,3	108,8
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	101,1	108,6
27-Sản xuất thiết bị điện	107,6	115,0
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	106,5	112,3
29-Sản xuất xe có động cơ	100,6	100,5
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	119,6	100,3

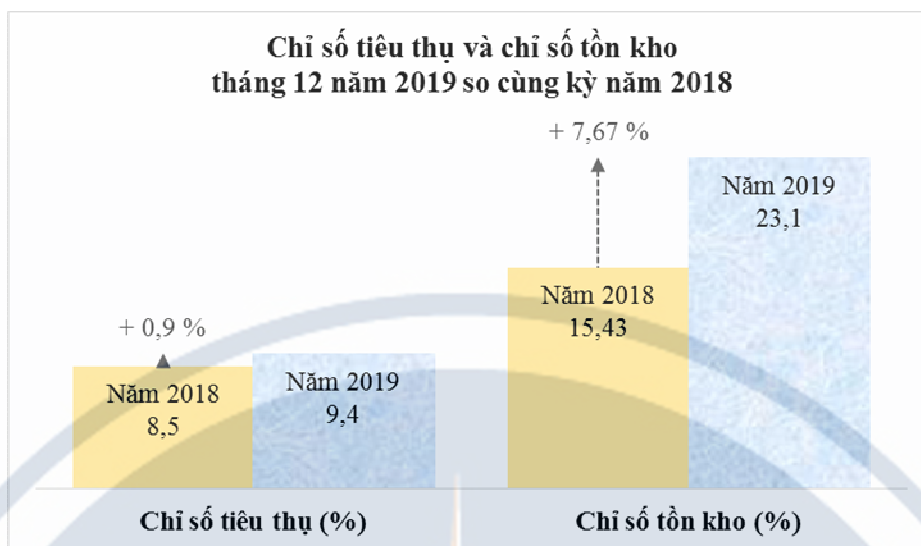
Đối với các ngành công nghiệp truyền thống³: Tính chung cả năm 2019, chỉ số sản xuất công nghiệp của các ngành truyền thống tăng 3,1% so với năm trước, trong đó ngành dệt tăng 7,3%, ngành sản xuất trang phục tăng 4,7%, ngành da giày giảm 0,6%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp ngành truyền thống

	Tháng 12/2019 so với tháng 11/2019	Đơn vị tính: % 12 tháng so với cùng kỳ
Nhóm ngành truyền thống	102,1	103,1
1. Dệt	105,0	107,3
2. Sản xuất trang phục	100,2	104,7
3. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	103,3	99,4

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2019 ước tính giảm 1,6% so với tháng trước và tăng 9,4% so cùng kỳ năm 2018. Tính chung cả năm 2019, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: giường, tủ, bàn ghế tăng 36,2%; sản xuất kim loại tăng 18,3%; sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 17,4%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 11,6%; sản xuất hóa dược tăng 10,7%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm mạnh như: Chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) giảm 20,1%; sản phẩm chế biến, chế tạo khác giảm 18,6%.

³ Gồm: ngành dệt; sản xuất trang phục (ngành may); ngành sản xuất da và sản phẩm liên quan (thuộc da, vali, túi xách, giày dép da)



Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 12 ước tính tăng 23,1% so cùng thời điểm năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao như: Công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 275,9%; sản xuất kim loại tăng 178,3%; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 107,4%; sản xuất thiết bị điện tăng 111,2%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tồn kho giảm mạnh so cùng thời điểm năm trước như: In và sao chép bản ghi giảm 61,2%; da và các sản phẩm liên quan giảm 60,6%; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường tủ bàn ghế) giảm 48,7%...

Nhìn chung, thông qua các chỉ số sản xuất công nghiệp, chỉ số tiêu thụ và chỉ số tồn kho cho thấy tình hình sản xuất công nghiệp trong năm 2019 của thành phố có mức tăng chậm. Các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống; ngành hóa dược chưa phát huy được vị trí, vai trò là ngành công nghiệp trọng điểm của thành phố. Một số ngành chiếm tỷ trọng lớn có chỉ số sản xuất công nghiệp giảm so với cùng kỳ năm 2018 như sản xuất xi măng; sản xuất sắt thép và một số ngành có đơn hàng giảm như đóng tàu, sản xuất máy in, sản xuất máy phát điện.

III. XÂY DỰNG

Tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố trong quý IV tuy có cải thiện so với quý III năm 2019, nhưng nhìn chung hoạt động xây dựng trong năm 2019 gặp nhiều khó khăn so với năm 2018. Một số công trình trọng điểm có tiến độ giải phóng mặt bằng và giải ngân chậm đã tác động mạnh đến tiến độ thi công, nhiều công trình lớn còn dở dang. Bên cạnh đó, việc siết chặt giấy phép xây dựng, chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công tăng cao đã gây khó khăn cho hoạt động xây dựng trong năm vừa qua.

Giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành quý III đạt 66,72 nghìn tỷ đồng, ước quý IV thực hiện 78,59 nghìn tỷ đồng. Tính chung cả năm 2019 theo giá hiện hành ước đạt 253,8 nghìn tỷ đồng. Chia theo thành phần kinh tế, bao gồm:

+ Khu vực Nhà nước đạt 8,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,5%;

- + Khu vực ngoài Nhà nước đạt 236,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 93,1%;
- + Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 8,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,4%.

Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà chiếm 54,6%; công trình kỹ thuật dân dụng chiếm 21,4% và hoạt động xây dựng chuyên dụng chiếm 24%.

Giá trị sản xuất xây dựng theo giá so sánh ước quý IV thực hiện 57,2 nghìn tỷ đồng, tăng 4,28% so với quý IV 2018. Tính chung trong năm 2019 giá trị sản xuất xây dựng ước đạt 184,8 nghìn tỷ đồng, tăng 0,84% so với năm 2018. Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà giảm 0,98%; công trình kỹ thuật dân dụng tăng 3,97% và hoạt động xây dựng chuyên dụng tăng 2,14%.

IV. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

Năm 2019, Thành phố tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, tiếp tục theo hướng nông nghiệp đô thị, sản phẩm cây trồng, vật nuôi đạt năng suất cao, an toàn và hiệu quả; phát triển giống cây, giống con chất lượng cao, hoa - cây kiểng, rau an toàn, giống bò thịt, nâng cao chất lượng đàn bò sữa. Đồng thời, xây dựng và thực hiện nhiều chương trình, đề án nhằm hoàn thành kế hoạch phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 – 2020.

1.1. Trồng trọt

Diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 38.934,2 ha, giảm 0,4% so với năm 2018. Trong đó, diện tích lúa chiếm 43%, giảm 0,9%; sản lượng đạt 81.086,7 tấn, tăng 2,5% so với năm trước. Diện tích gieo trồng rau các loại chiếm 20,7%, tăng 4,8%, sản lượng đạt 265.552,9 tấn, tăng 9,2%. Nhìn chung, cỏ thức ăn cho gia súc và bắp, năng suất các loại cây trồng hàng năm tăng so với năm trước.

Dự ước kết quả sản xuất một số cây trồng hàng năm chủ yếu

	Thực hiện năm 2019			So sánh năm 2019 với năm 2018 (%)		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
Tổng số	38.934,2			99,6		
Lúa	16.761,8	48,4	81.086,7	99,1	103,4	102,5
Bắp	658,8	38,2	2.414,8	84,9	98,5	83,6
Rau các loại	8.066,2	329,2	265.552,9	104,8	104,2	109,2
Đậu phộng	143,3	30,7	439,3	121,5	100,0	121,5
Cỏ cho gia súc	9.039,1	764,2	690.739,4	103,0	99,1	102,1

Vụ Đông xuân 2019-2020: Tính đến 15/12/2019 đã xuống giống 2.186 ha, trong đó cây lúa hiện nay tập trung giai đoạn mạ 1.803 ha, lúa đã đẻ nhánh 325 ha, làm đồng 58 ha.

Tình hình sinh vật gây hại: Năm 2019, tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 6.798,3 ha, so với cùng kỳ năm trước giảm 14,5%; tổng diện tích nhiễm sinh

vật hại trên rau là 8.656 ha, tăng 17,1% so với cùng kỳ; tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 646,8 ha, giảm 8,8% so với cùng kỳ. Các sinh vật hại đều có mật số và tỷ lệ bệnh ở mức nhẹ.

1.2. Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi ở thành phố Hồ Chí Minh qua kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm 01/10/2019 như sau:

- **Đàn trâu:** tổng số đàn trâu là 4.890 con, tăng 3,0% (tăng 142 con) so với cùng kỳ 2018. Đàn trâu nuôi với mục đích lấy thịt với tổng sản lượng ước tính trong năm 2019 đạt 622 tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm 2018.

- **Đàn bò:** tổng số đàn bò là 125.870 con, tăng 1,7% so với cùng kỳ, trong đó đàn bò sữa chiếm 63,9% tổng đàn, tăng 1%. Đàn bò sữa có năng suất cao tiếp tục cung cấp ra thị trường sản lượng sữa nhiều, đảm bảo nguồn cung cấp sữa và thịt bò ổn định thị trường.

- **Đàn heo:** có 268.953 con giảm 7,3% so với cùng kỳ 2018. Tuy nhiên hoạt động tái đàn đã quay trở lại khi giá thịt heo hơi trên thị trường hiện đang ở mức rất cao.

- **Đàn gia cầm:** có 415,8 ngàn con, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó đàn gà 378,5 con, tăng 18,8 % so với cùng kỳ năm trước. Đàn gia cầm đóng vai trò then chốt trong việc cung cấp sản lượng thịt hơi xuất chuồng cho thị trường, giúp bù đắp phần nào sản lượng thịt heo thiếu hụt do bệnh dịch tả Châu phi gây ra. Đàn gà được nuôi chủ yếu tại trang trại gà An Phú - Củ Chi thuộc Tổng Công Ty Nông Nghiệp Sài Gòn.

Năm 2019, Thành phố cơ bản đã khống chế thành công bệnh dịch tả Châu phi nhưng các đoàn kiểm tra liên ngành vẫn tiếp tục thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, tăng cường kiểm tra tình hình dịch tễ đàn gia súc, gia cầm, các hộ chăn nuôi heo nhập cư, nhất là địa bàn giáp ranh với các tỉnh.

2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng là 36.802 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,56%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 40,18%. Sản lượng gỗ khai thác năm 2019 ước 8.450 m³, giảm 1% so với cùng kỳ năm trước; củi khai thác 3.159 ster, tăng 0,4%.

Trong năm không xảy ra vụ cháy rừng trên địa bàn thành phố.

3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản năm 2019 ước đạt 64.809,1 tấn, tăng 4,8% so với năm 2018. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 19.570,5 tấn, tăng 1,6% so với năm trước; sản lượng tôm ước đạt 16.344,3 tấn, tăng 2,3%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 28.894,3 tấn, tăng 8,6%. Chia ra:

– Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 19.523,8 tấn, xấp xỉ so với năm 2018. Trong đó, sản lượng cá giảm 5,7%; sản lượng tôm tăng 7,1%.

– Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 45.285,3 tấn, tăng 7,0% so với 2018. Trong đó, sản lượng cá tăng 12,8%; sản lượng tôm tăng 1,5%; sản lượng thủy sản khác tăng 8,4%.

Sơ bộ sản lượng thủy sản 2019

Tên chỉ tiêu	Sản lượng thủy sản (tấn)		Năm 2019 so 2018 (%)
	Chính thức năm 2018	Sơ bộ năm 2019	
Tổng số	61.851,3	64.809,1	104,8
A. Sản lượng thủy sản khai thác	19.514,7	19.523,8	100,0
1- Cá	11.673,9	11.009,2	94,3
2- Tôm	2.166,0	2.319,3	107,1
3- Hải sản khác	5.674,8	6.195,3	109,2
B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng	42.336,6	45.285,3	107,0
1- Cá	7.592,0	8.561,3	112,8
2- Tôm	13.814,2	14.025,0	101,5
3- Hải sản khác	20.930,4	22.699,0	108,4

Tình hình khai thác:

Tại thời điểm 01/12/2019, toàn thành phố có 882 tàu thuyền khai thác hải sản, tập trung chủ yếu tại huyện Cần Giờ, trong đó có 577 tàu thuyền có động cơ khai thác biển với tổng công suất 21.906CV chủ yếu khai thác ở vùng biển ven bờ; có 305 tàu thuyền có động cơ khai thác nội địa (chủ yếu vùng ven sông và cửa biển).

Hiện Thành phố có 1.250 hộ hoạt động khai thác thủy sản biển không dùng phương tiện khai thác như bắt ngẫu nhiên, sò, ốc, nha, chêm chếp,...và 740 hộ có hoạt động khai thác thủy sản nội địa với 305 tàu thuyền có động cơ và 158 phương tiện không có động cơ. Số lao động có thường xuyên tham gia khai thác thủy sản nội địa khoảng 1.356 người.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 4/12/2019, tại Cần giờ có 631 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 196,8 triệu con giống trên diện tích 3.633,2 ha (tăng 6,1% diện tích và tăng 13,12% con giống so với năm 2018); tôm thẻ chân trắng là 2.221 lượt hộ thả nuôi với 812,3 triệu con giống trên diện tích 1.620 ha ha (giảm 24,7% diện tích và giảm 7,7% con giống so với năm 2018).

Dịch bệnh trên tôm tại huyện Cần Giờ: Trong tháng không xảy ra bệnh trên tôm, tính từ đầu năm, có 26 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 12,15 ha làm thiệt hại 4,58 triệu con giống. Toàn bộ diện tích bị dịch bệnh được xử lý dập bệnh bằng 1.306 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

V. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn năm 2019 ước thực hiện 468.520 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 100,2%, so với cùng kỳ tăng 10,9%, (cùng kỳ năm trước tăng 9%).

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2019 chia theo nguồn vốn

	Thực hiện năm 2019 (tỷ đồng)	So với năm 2018(%)	Tỷ trọng (%)
Tổng số	468.520	110,9	100,0
- Vốn nhà nước	51.558	93,8	11,0
- Vốn ngoài nhà nước	348.420	114,7	74,4
- Vốn nước ngoài	68.542	107,4	14,6

Vốn đầu tư thực hiện của nhà nước chiếm tỷ trọng cao nhất 74,4% và có mức tăng khá 14,7% so với năm 2018; vốn đầu tư thực hiện của nước ngoài chiếm 14,6%, tăng 7,4%; vốn đầu tư thực hiện của nhà nước chiếm 11%, giảm 6,2% so với năm 2018.

Tình hình thực hiện vốn ngân sách

Các Sở ngành và khối quận huyện đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án để hoàn thành kế hoạch đặt ra, khối lượng tháng 12 ước thực hiện tăng 35,4% so với tháng 11, tập trung chủ yếu vào các dự án cầu, đường, thoát nước và các dự án sửa chữa lớn, điển hình như:

+ Hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi, kế hoạch vốn 200 tỷ đồng, ước năm đạt 170 tỷ đồng, đạt 85% so với kế hoạch;

+ Dự án phát triển giao thông, kế hoạch vốn 200 tỷ đồng, ước năm đạt 185 tỷ đồng, đạt 92,5% so với kế hoạch;

+ Dự án Kè chống sạt lở ven sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Rạch Đức nhỏ đến tiếp giáp dự án công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Vạn Phúc), kế hoạch vốn 91 tỷ đồng, ước năm đạt 80 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 87,9%;

+ Xây dựng hệ thống đê dọc sông Hà Thành, Huyện Cần Giò, kế hoạch vốn 103,5 tỷ đồng, ước năm đạt 80 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 87,4%;

+ Dự án Đê bao khu vực Thủ Đức bờ tả sông Sài Gòn, kế hoạch vốn 130 tỷ đồng, ước năm đạt 120 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 92,3%;

+ Sửa chữa đường Nguyễn Hữu Cánh, kế hoạch vốn 170 tỷ đồng, ước năm đạt 125 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 73,5%.

Một số thuận lợi, khó khăn trong thực hiện vốn ngân sách năm 2019:

Thuận lợi: Kế hoạch vốn năm giao cho các Sở ngành có chuẩn bị kỹ hơn so với những năm trước. Tổng mức vốn giao cho từng dự án đã bám sát thực tế hơn, ít bị điều chỉnh kế hoạch vốn năm, tạo điều kiện cho chủ đầu tư chủ động trong thi công dự án. Đồng thời, thành phố đã có sự ưu tiên cho các dự án trọng điểm, cấp bách thi công trước.

Khó khăn: Công tác giải phóng mặt bằng nhiều quận, huyện gặp rất nhiều khó khăn do cơ chế và giá cả chưa bám sát thực tế, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án. Công tác phê duyệt, điều chỉnh dự án mất rất nhiều thời gian. Công

tác giải ngân còn chậm so với khối lượng thực hiện. Máy móc thiết bị thi công nhiều chủ đầu tư còn lạc hậu, đây cũng là điểm yếu làm giảm khối lượng thực hiện.

Tình hình thực hiện một số nguồn vốn ngân sách:

– Nguồn ngân sách tập trung: ước thực hiện năm 2019 là 22.671,2 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 69,9% (khá thấp so với những năm gần đây).

– Nguồn vốn ODA: ước thực hiện năm giải ngân là 624,8 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 40%, trong đó chủ yếu là dự án Tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên và dự án cải thiện môi trường nước Thành phố (giai đoạn 2);

– Nguồn vốn xổ số kiến thiết: ước tính năm 2019 là 1.804,2 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 92,2%.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 30/11, toàn thành phố đã cấp 47.705 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn xây dựng 10.061,8 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 45.833 giấy phép, với diện tích 9.863,8 ngàn m² và 1.872 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 198 ngàn m².

So với cùng kỳ giảm 17,4% về giấy phép (-10.046) và giảm 24,2% về diện tích (-3.204,3 ngàn m²).

3. Tình hình cấp giấy phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 20/12/2019, Thành phố đã có 1.320 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký đạt 1.841,3 triệu USD, tăng 28,3% về giấy phép và tăng gấp 2,3 lần về vốn đăng ký so năm 2018.

Điều chỉnh vốn đầu tư có 309 dự án, vốn tăng 858,7 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp phép mới và tăng vốn đến ngày 20/12 đạt 2.700 triệu USD, tăng 2,8 lần so với cùng kỳ năm trước.** Góp vốn, mua cổ phần có 5.720 trường hợp, tổng vốn đạt 5.595 triệu USD, tăng 12,1% về vốn so với cùng kỳ năm trước

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

Theo loại hình đầu tư: 100% vốn nước ngoài có 1.198 dự án, vốn đăng ký đạt 1.595,3 triệu USD (chiếm 86,8%); liên doanh 118 dự án, vốn đạt 244,6 triệu USD (chiếm 13,3%); hợp đồng hợp tác kinh doanh 4 dự án, vốn đầu tư 1,4 triệu USD.

Theo lĩnh vực đầu tư: dẫn đầu là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 36 dự án, vốn đăng ký đạt 739 triệu USD, chiếm 40,1% tổng vốn được cấp phép mới; hoạt động kinh doanh bất động sản có 50 dự án, vốn đầu tư là 458,5 triệu USD, chiếm 24,9%; hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 310 dự án, vốn đầu tư 267,3 triệu USD (chiếm 14,5%); thương mại có 581 dự án, vốn đầu tư 244 triệu USD (chiếm 13,3%); thông tin và truyền thông 182 dự án, vốn đầu tư 47,4 triệu USD (chiếm 2,6%); vận tải kho bãi 61 dự án, vốn đầu tư 45,3 triệu USD (chiếm 2,5%); xây dựng 33 dự án, vốn đầu tư 15,9 triệu USD...

Theo đối tác đầu tư: đã có 71 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trong năm 2019 trên địa bàn. Trong đó, Hồng Kông dẫn đầu về vốn với 98 dự án, vốn đăng ký đạt 720,7 triệu USD, chiếm 39,1% tổng vốn cấp mới; Singapore 179 dự án, vốn đầu tư có 335,3

triệu USD (chiếm 18,2%); Hàn Quốc 269 dự án, vốn đầu tư 184,1 triệu USD (chiếm 10%); British Virgin Islands 13 dự án, vốn đầu tư 179,4 triệu USD (chiếm 9,7%); Nhật Bản 166 dự án, vốn đầu tư 170,4 triệu USD (chiếm 9,3%); Samoa 14 dự án, vốn đầu tư 54,4 triệu USD; Hà Lan 163 dự án, vốn đầu tư 37,2 triệu USD....

Số dự án còn hiệu lực hoạt động đến ngày 20/12 tại thành phố là 9.185 đơn vị với vốn đầu tư là 47,3 tỷ USD.

4. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/12/2019, thành phố đã cấp phép cho 43.027 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 680.198 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 2,2%, vốn tăng 30%. Trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu có số lượng là giấy phép là 30.737 đơn vị, chiếm 71,4%, tăng 1,9% so với cùng kỳ; vốn đăng ký 501.152 tỷ đồng, tăng 30,7%.

Phân theo loại hình: công ty trách nhiệm hữu hạn có 37.161 doanh nghiệp, tăng 1,9%; vốn đăng ký đạt 302.393 tỷ đồng, tăng 26,4%. Công ty cổ phần có 5.565 đơn vị, tăng 6,8%; vốn đăng ký 377.494 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 298 đơn vị, giảm 28,5%; vốn đăng ký đạt 309 tỷ đồng, giảm 3,3%.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** số lượng cấp phép là 196 đơn vị, tăng 2,6%; vốn đăng ký đạt 2.743 tỷ đồng, bằng 43,2% so cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** cấp phép 8.378 doanh nghiệp, giảm 0,7% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 153.729 tỷ đồng, tăng 33,9%. Trong đó, xây dựng 4.044 đơn vị, giảm 4,7%; vốn đạt 120.727 tỷ đồng, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 3.964 giấy phép, tăng 0,5% cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký 21.069 tỷ đồng, giảm 57,9% so với cùng kỳ.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** có 34.453 doanh nghiệp được cấp phép, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 523.727 tỷ đồng, tăng 30,2%. Trong đó, **hoạt động kinh doanh bất động sản** có 2.976 đơn vị, vốn đăng ký đạt 250.384 tỷ đồng (chiếm 47,8% tổng vốn khu vực); so với cùng kỳ năm trước, giấy phép giảm 4,9% và vốn tăng 14%. **Thương mại** 15.358 đơn vị, giảm 1,6%; vốn đăng ký đạt 89.596 tỷ đồng (chiếm 17,1%), tăng 8,8%. **Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ** 4.605 đơn vị, tăng 12,7%; vốn đăng ký 58.178 tỷ đồng (chiếm 11,1%), tăng 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước.

VI. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương

Hoạt động thương mại và dịch vụ trong tháng cuối năm có mức tăng cao so với tháng trước. Các đơn vị kinh doanh đẩy mạnh chương trình khuyến mãi, ưu đãi nhằm thu hút người tiêu dùng với nhiều hình thức phong phú và đa dạng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12 dự ước đạt 108.820 tỷ đồng, tăng 3,1% so với tháng trước và tăng 14,3% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó,

doanh thu bán lẻ ước đạt 71.974 tỷ đồng, tăng 16,8% so với tháng cùng kỳ; dịch vụ lưu trú và ăn uống 10.512 tỷ đồng, tăng 8,3%; du lịch, lễ hành 2.652 tỷ đồng, tăng 11,8%; dịch vụ khác ước đạt 23.682 tỷ đồng, tăng 10,1%.

Đối với thị trường Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020, Thành phố đã xây dựng và triển khai các giải pháp bình ổn thị trường, đảm bảo nguồn hàng hóa phục vụ nhu cầu tăng cao của người dân trên địa bàn. Trong đó, các mặt hàng thiết yếu phục vụ dịp Tết được Thành phố xây dựng các chương trình, kế hoạch nhằm đảm bảo nguồn cung hàng hóa, đặc biệt là nguồn cung thịt lợn bình ổn với dự kiến là 4.091 tấn/tháng thường và 5.148 tấn/tháng Tết. Các doanh nghiệp chuẩn bị nguồn hàng phục vụ Tết Canh Tý 2020 là 19.027,3 tỷ đồng, trong đó từ nguồn hàng bình ổn thị trường là 7.244,9 tỷ đồng; tăng 602,5 tỷ đồng so với nguồn vốn chuẩn bị Tết Kỷ Hợi 2019. Riêng tháng cao điểm phục vụ Tết từ ngày 26/12/2019 đến 24/1/2020 (tức từ ngày 1 đến 30 tháng Chạp), tổng giá trị hàng hóa của các doanh nghiệp chuẩn bị là 10.224,5 tỷ đồng, hàng bình ổn thị trường 4.088,5 tỷ đồng.

Nhìn lại bức tranh tổng thể hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm 2019 có nhiều bước tăng trưởng đáng kể, số lượng vốn đăng ký doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động thương mại tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Thị trường giá cả các mặt hàng thiết yếu tương đối ổn định, chương trình bình ổn thị trường ngày càng phát huy hiệu quả, nguồn cung ổn định và ngày càng mở rộng, có sự liên kết chặt chẽ giữa nhà cung ứng và sản xuất. Bên cạnh đó, phải kể đến sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động thương mại điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay từng bước làm thay đổi phương thức kinh doanh, mua sắm truyền thống và đồng thời giúp cho các đơn vị kinh doanh mở rộng hệ thống phân phối hàng hóa, tăng doanh thu và giảm bớt các chi phí trong quá trình vận hành.

Trong quý IV năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước tính đạt 316.767 tỷ đồng, tăng 10,8% so với quý trước và tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 209.249 tỷ đồng, so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước có mức tăng tương ứng là 13,2% và 16,5%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 30.254 tỷ đồng, tăng 7% và tăng 8,9%; doanh thu du lịch lễ hành đạt 7.654 tỷ đồng, tăng 4% và tăng 10,9%; doanh thu dịch vụ khác đạt 69.610 tỷ đồng, tăng 6,4% và tăng 10,8%. **Tính chung cả năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng có mức tăng trưởng khá, ước đạt 1.160.551 tỷ đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước.**

Xét theo loại hình kinh tế: khu vực ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng cao nhất với tỷ lệ là 79%, đạt 917.041 tỷ đồng, tăng 12,8%. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước chiếm 14,7% trong tổng mức, đạt 170.451 tỷ đồng, tăng 11,4%. Khu vực nhà nước ước đạt 73.059 tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo ngành kinh tế:

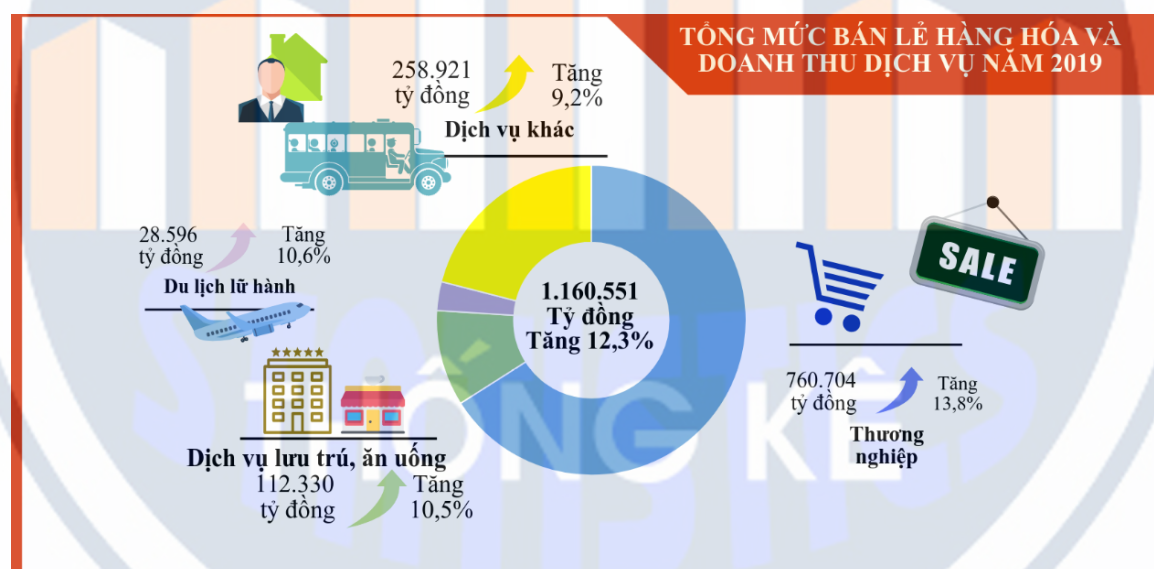
– **Thương nghiệp:** Trong năm 2019, thị trường bán lẻ của Thành phố duy trì được mức tăng khá với doanh thu ước đạt 760.704 tỷ đồng, tăng 13,8% so với cùng kỳ.

Trong đó, nhóm hàng đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt 140.715 tỷ đồng, chiếm 18,5%, tăng 12,2%; lương thực, thực phẩm đạt 123.005 tỷ đồng, chiếm 16,2%, tăng 11,1%; xăng dầu các loại đạt 64.329 tỷ đồng, chiếm 8,5%, tăng 13,6%; hàng may mặc đạt 48.411 tỷ đồng, chiếm 6,4%, tăng 11,5%.

– **Dịch vụ lưu trú và ăn uống:** ước đạt 112.330 tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ ăn uống 100.952 tỷ đồng, tăng 10,6%; dịch vụ lưu trú 11.378 tỷ đồng, tăng 9,8%.

– **Du lịch, lữ hành:** ước đạt 28.596 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Các công ty thực hiện đa dạng các tour du lịch trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, Thành phố đã thực hiện nhiều chương trình nhằm phát triển ngành du lịch, với các sản phẩm phù hợp với đặc điểm của địa bàn như du lịch đường thủy, cộng đồng, sinh thái nông nghiệp, du lịch y tế. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quảng bá và xúc tiến du lịch.

– **Dịch vụ khác:** doanh thu ước đạt 258.921 tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 58,8% và tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ chiếm 17,6%, tăng 10,4%; giáo dục tăng 10,4%; y tế tăng 12,1%; nghệ thuật, vui chơi, giải trí tăng 9,9%.



2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2019 tăng 1,08% so với tháng trước. Trong đó có **8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng so với tháng trước**: nhóm hàng ăn dịch vụ ăn uống (+1,91%); nhóm đồ uống và thuốc lá (+0,17%); nhóm may mặc, mũ nón, giày dép (+0,21%); nhóm thiết bị, đồ dùng gia đình (+1,48%); nhóm giao thông (+0,79%); nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (+0,23%); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+0,41%). Có **1/11 nhóm giảm** là nhóm bưu chính viễn thông (-0,07%). Còn lại 2 nhóm thuốc và dịch vụ y tế; giáo dục **không biến động so tháng trước**.

Diễn biến giá một số nhóm ngành so với tháng trước như sau:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,91% so tháng trước. Trong đó, nhóm thực phẩm tăng 3,07%, nhóm hàng ăn uống ngoài gia đình tăng 0,45%, nhóm lương thực không đổi so với tháng trước. Cụ thể:

+ Lương thực: không thay đổi so tháng trước, giá gạo các loại biến động không đáng kể so tháng trước; nhóm bột mì và ngũ cốc khác giảm nhẹ so tháng trước (-1,42%). Ngược lại, nhóm lương thực chế biến tăng nhẹ (+0,18%).

+ Nhóm thực phẩm: tăng cao (+3,07%) so tháng trước. Hầu hết các nhóm hàng đều tăng giá; ngoại trừ nhóm rau tươi, khô và chế biến (-2,94%), nhóm đồ gia vị (-0,3%) và 1 nhóm không thay đổi là nước mắm, nước chấm. Các nhóm mặt hàng tăng cao so tháng trước gồm thịt gia súc tươi sống (+12,29%), thịt gia cầm tươi sống (+4,65%), thịt chế biến (+6,77%), trứng các loại (0,41%), dầu mỡ ăn (+0,83%), thủy sản tươi sống (+0,91%), thủy sản chế biến (+1,39%), các loại đậu và hạt (+1,44%). Giá thực phẩm trong tháng tăng cao nguyên nhân chủ yếu là do giá thịt heo liên tục tăng giá, làm kéo theo các sản phẩm chế biến từ thịt heo cũng đua nhau tăng giá. Giá thịt heo tăng 18,82% so với tháng trước, nội tạng động vật tăng 11,18%, thịt quay, giò chả tăng 7,8%; mỡ ăn tăng 15,98%... Thành phố Hồ Chí Minh chuẩn bị đủ nguồn cung thịt heo đáp ứng nhu cầu thị trường, nhập khẩu thịt heo từ các nước như Mỹ, Phần Lan, Australia... Lũy kế từ đầu năm đến ngày 10/12, lượng thịt heo nhập khẩu qua cửa khẩu Thành phố đạt 13.231 tấn, tăng 7.130 tấn, tương đương 117% so với cùng kỳ năm 2018. Mặc dù nguồn cung đảm bảo đầy đủ, sản lượng tiêu thụ giảm, nhưng giá lại đang có xu hướng tiếp tục tăng. Hiện nay, doanh nghiệp chủ động theo dõi về giá thịt lợn, chuẩn bị nguồn hàng; đồng thời tăng dự trữ những mặt hàng thay thế thịt lợn và triển khai kích cầu tiêu dùng những mặt hàng thay thế.

Các doanh nghiệp tham gia chương trình bình ổn thị trường cam kết giữ ổn định giá cả hàng hóa phục vụ Tết, không điều chỉnh tăng giá bán trong 1 tháng trước Tết và 1 tháng sau Tết; đồng thời thực hiện giảm giá sâu trong 2 ngày cận tết đối với các mặt hàng thiết yếu như thịt heo, thịt gà, trứng gia cầm...

Nếu so với tháng 12/2018 thì chỉ số giá thực phẩm tăng 7,10%, bình quân một tháng trong 12 tháng giá thực phẩm tăng xấp xỉ 0,59% (năm trước chỉ số giá thực phẩm tăng 4,76%). Mặt bằng giá thực phẩm tháng 12 và cả năm 2019 đứng ở mức cao so năm trước bởi nhiều nguyên nhân, trong đó: thời tiết diễn biến thất thường, tình hình sâu bệnh trên cây trồng, dịch bệnh ở gia súc gia cầm diễn biến phức tạp, đặc biệt là bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Tuy vậy đối với các mặt hàng thiết yếu gắn liền với cuộc sống của người dân thành phố thì mức độ biến động không nhiều chỉ dao động tăng trong khoảng +0,1% đến +0,3%, đạt được kết quả này là có sự góp phần đáng kể của chương trình bình ổn thị trường trên địa bàn thành phố.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, VLXD: tăng nhẹ 1,48% so tháng trước chủ yếu là do giá nhà ở thuê tăng 1,92%. Bên cạnh đó một vài nhóm hàng cũng tăng nhẹ như dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,63%, điện sinh hoạt tăng 0,81%. Còn lại các mặt hàng khác biến động không đáng kể.

Nhóm giao thông: tăng 0,79% so tháng trước, chủ yếu do tác động của 2 lần điều chỉnh giá xăng dầu trong tháng (vào ngày 30/11 và 16/12), theo đó giá xăng và dầu diezen bình quân tăng 1,28% so tháng trước còn lại phụ tùng xe, dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng phương tiện đi lại... không biến động nhiều, riêng vé ô tô khách tăng 2,41% so tháng trước.

CPI tháng 12/2019 tăng 4,31% so với tháng 12/2018, bình quân cả năm 2019 tăng 3,84% so với năm 2018.

Chỉ số giá vàng tháng 12/2019 tăng 13,76% so với tháng 12/2018 và giảm 0,55% so với tháng trước; bình quân năm 2019 tăng 5,79% so với năm 2018. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2019 giảm 0,6% so với tháng 12/2018 và giảm 0,13% so với tháng trước, bình quân tăng 1,01% so với năm 2018.

VII. XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

1. Xuất khẩu

Ước tính tháng 12 năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 3.785,4 triệu USD, tăng 6,0% so tháng trước; trong đó, kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô đạt 3.428,4 triệu USD, tăng 5,9%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong tháng 12 ước đạt 3.731,9 triệu USD, tăng 5,2% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 408,5 triệu USD, tăng 5,8% so với tháng trước; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 948,9 triệu USD, tăng 0,1%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.374,5 triệu USD, tăng 7,3%. Nhìn chung, hầu hết các mặt hàng xuất khẩu trong tháng 12 đều tăng so tháng trước, trong đó một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng khá như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử, linh kiện tăng 9,5%; cà phê tăng 9,4%, dầu thô tăng 6,5%.

Tính chung cả năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước ước đạt 42.157,1 triệu USD, tăng 10,7 % so năm trước; trong đó kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô đạt 39.583,9 triệu USD, tăng 11,4% so năm trước.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong năm 2019 ước đạt 39.682,7 triệu USD, tăng 17,3% so năm trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 3.296,5 triệu USD, giảm 3,5%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 11.584,3 triệu USD, tăng 6,4%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 24.801,9 triệu USD, tăng 27,1%.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu qua cảng Thành phố trong năm 2019 của doanh nghiệp Thành phố (loại trừ dầu thô) gồm:

- *Nhóm hàng nông sản* có giá trị xuất khẩu đạt 3.463,1 triệu USD, giảm 1,4% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 9,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó:

+ Gạo có sản lượng xuất khẩu đạt 761,3 ngàn tấn với giá trị 883,8 triệu USD, giảm 3,1%;

+ Cà phê có sản lượng xuất khẩu đạt 371,8 ngàn tấn với giá trị 536,2 triệu USD, giảm 28,1%;

+ Cao su có sản lượng xuất khẩu đạt 281,3 ngàn tấn với giá trị 597,2 triệu USD, tăng 12,0%.

- *Nhóm hàng lâm sản* đạt 566,1 triệu USD, tăng 3,1% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 1,5%;

- *Nhóm hàng thủy hải sản* đạt 1.051,1 triệu USD, tăng 6,9% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 2,8%;

- *Nhóm hàng công nghiệp* đạt 29.285,3 triệu USD, tăng 22,6% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 79,0%, trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có giá trị xuất khẩu đạt 14.891,3 triệu USD, tăng 53,0%, chiếm tỷ trọng 40,1%;

+ Dệt, may có giá trị xuất khẩu đạt 5.592,0 triệu USD, tăng 1,6%, chiếm tỷ trọng 15,1%;

+ Giày dép có giá trị xuất khẩu đạt 2.629,9 triệu USD, tăng 4,7%, chiếm tỷ trọng 7,1%;

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có giá trị xuất khẩu đạt 2.143,0 triệu USD, giảm 0,9%, chiếm tỷ trọng 5,8%.

- *Nhóm hàng hóa khác* có giá trị xuất khẩu đạt 2.743,9 triệu USD, tăng 14,4% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 7,4%.

Riêng mặt hàng dầu thô, sản lượng xuất khẩu trong năm 2019 đạt 5.008,2 ngàn tấn (tăng 14,8% so cùng kỳ) với giá trị 2.573,2 triệu USD (tăng 3,1%).

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất đối với doanh nghiệp Thành phố với kim ngạch xuất khẩu trong năm 2019 đạt 8.328,6 triệu USD, tăng 25,0% so năm 2018, chiếm 21,0% tỷ trọng xuất khẩu. Thị trường lớn thứ hai là Hoa Kỳ với kim ngạch xuất khẩu đạt 6.646,9 triệu USD, tăng 20,5% so cùng kỳ, chiếm 16,8%. Xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản trong năm đạt 3.288,4 triệu USD, tăng 3,6% so cùng kỳ và chiếm 8,3% tỷ trọng xuất khẩu. Đối với thị trường Châu Âu (Hiệp định EVFTA) kim ngạch xuất khẩu trong năm 2019 đạt 5.084,5 triệu USD, tăng 4,9% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 12,8% tổng kim ngạch xuất khẩu.

2. Nhập khẩu

Ước tính tháng 12 năm 2019, tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 4.992,7 triệu USD, tăng 6,0% so với tháng trước.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố ước đạt 4.312,4 triệu USD, tăng 6,0% so với tháng trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 114,0 triệu USD, giảm 8,6%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt

2.025,7 triệu USD, tăng 7,7%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.172,7 triệu USD, tăng 5,5%.

Tính chung cả năm 2019, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước ước đạt 51.398,1 triệu USD, tăng 9,2% so cùng kỳ năm trước.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố ước đạt 44.076,6 triệu USD, tăng 10,9% so cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 1.423,4 triệu USD, giảm 14,9%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 21.261,8 triệu USD, tăng 1,3%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 21.391,4 triệu USD, tăng 25,3%.

Cơ cấu nhóm hàng hóa nhập khẩu qua cảng Thành phố trong năm 2019 gồm: Nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đạt 16.062,4 triệu USD, giảm 3,3% so cùng kỳ năm 2018, chiếm tỷ trọng 36,4% tổng kim ngạch xuất khẩu; nhóm hàng máy móc, thiết bị, phụ tùng đạt 21.513,6 triệu USD, tăng 27,3%, chiếm tỷ trọng 48,8%; nhóm hàng tiêu dùng đạt 2.326,4 triệu USD, tăng 12,7%, chiếm tỷ trọng 5,3%; nhóm hàng hóa khác đạt 4.174,2 triệu USD, tăng 10,3%, chiếm 9,5%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố trong năm 2019 như:

- + Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có trị giá nhập khẩu đạt 13.355,9 triệu USD, tăng 53,7% so cùng kỳ năm 2018, chiếm tỷ trọng 30,3%;

- + Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có trị giá nhập khẩu đạt 5.357,9 triệu USD, giảm 6,5%, chiếm tỷ trọng 12,2%;

- + Vải các loại có trị giá nhập khẩu đạt 2.365,3 triệu USD, giảm 3,6%, chiếm tỷ trọng 5,4%;

- + Chất dẻo nguyên liệu có giá trị nhập khẩu đạt 1.951,8 triệu USD, giảm 2,9%, chiếm tỷ trọng 4,4%;

- + Sắt thép có trị giá nhập khẩu đạt 1.654,6 triệu USD, tăng 8,4%;

- + Dược phẩm có trị giá nhập khẩu đạt 1.341,5 triệu USD, giảm 3,8%;

- + Điện thoại các loại và linh kiện có trị giá nhập khẩu đạt 1.249,0 triệu USD, tăng 5,2%;

- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày có trị giá nhập khẩu đạt 731,6 triệu USD, tăng 2,9% so cùng kỳ.

VIII. VẬN TẢI

1. Doanh thu vận tải

Tổng doanh thu vận chuyển hàng hóa, hành khách và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 12 ước đạt 23.339 tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước, so với tháng cùng kỳ tăng 9,9%. Tính chung cả năm 2019 ước đạt 256.799 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ

2018, trong đó: vận tải hàng hóa tăng 9,7%, vận tải hành khách tăng 7,2% và dịch vụ đại lý vận tải tăng 16,7%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách năm 2019

	Doanh thu năm 2019 (tỷ đồng)		So sánh với cùng kỳ Năm 2018 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	62.467	25.793	109,7	107,2
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	3.473	255	106,6	107,0
Kinh tế ngoài nhà nước	58.506	19.674	109,8	115,9
Kinh tế có vốn nước ngoài	488	5.864	119,1	85,6
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	41.729	19.594	109,6	116,4
Đường sông	2.766	86	109,4	109,8
Đường biển	17.769	574	109,9	102,8
Đường hàng không	203	5.539	121,3	84,1

*** Vận tải hàng hóa:** Doanh thu năm 2019 ước đạt 62.467 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 5,6%, tăng 6,6% so với cùng kỳ 2018; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,6%, tăng 9,8%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 0,8%, tăng 19,1%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 66,8%, tăng 9,6%; vận tải đường biển chiếm 28,4%, tăng 9,9% so cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 4,4%, tăng 9,4% so cùng kỳ.

*** Vận tải hành khách:** Doanh thu năm 2019 ước đạt 25.793 tỷ đồng, tăng 7,2% so với cùng kỳ. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 76,3%, tăng 15,9% so với cùng kỳ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 22,7%, bằng 85,6% so với cùng kỳ.

Vận tải đường bộ chiếm 75,9%, tăng 16,4% so với cùng kỳ, đường hàng không chiếm 21,5%, bằng 84,1% so với cùng kỳ.

2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách:

a. Sản lượng vận tải hàng hóa tháng 12 ước đạt 22.625 ngàn tấn, so với tháng trước tăng 0,8%. Tính chung cả năm 2019 ước đạt 254.092 ngàn tấn, so với cùng kỳ tăng 9,9%. Khu vực nhà nước chiếm 5,8%, tăng 9,3%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,5%, tăng 9,8% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 0,7%, tăng 30,5% so với cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 65,9%, tăng 8,8% so với cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 15,9%, tăng 10,8%; vận tải đường biển chiếm 18,2%, tăng 13,2%.

b. Sản lượng vận tải hành khách tháng 12 ước đạt 103.869 ngàn hành khách, so với tháng trước tăng 0,5%. Tính chung cả năm 2019 ước đạt 1.125.595 ngàn hành khách, so với cùng kỳ tăng 17,6%. Khu vực nhà nước chiếm 2,7%, tăng 4,9%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 95,8%, tăng 17,8% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,4%, tăng 30,4%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 98,7%, tăng 17,6%; vận tải hàng không chiếm 0,5%, tăng 30,4%; vận tải đường sông chiếm 0,7%, tăng 9%.

IX. TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước năm 2019 ước thực hiện 412.474 tỷ đồng, đạt 103,3% dự toán, tăng 9% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 266.474 tỷ đồng, đạt 97,9% dự toán, tăng 9,6% so với cùng kỳ; thu từ dầu thô 25.000 tỷ đồng, đạt 138,9% dự toán, tăng 2,9% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 121.000 tỷ đồng, đạt 111,2% dự toán, tăng 12% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2019 (Tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 2019	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	399.125	412.474	103,3	109,0
I- Thu nội địa	272.325	266.474	97,9	109,6
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	29.899	25.876	86,5	104,6
2. Khu vực ngoài nhà nước	69.114	66.139	95,6	111,5
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	76.450	65.985	86,3	108,2
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.800	121.000	111,2	112,0
III- Thu từ dầu thô	18.000	25.000	138,9	102,9

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 9,8% tổng thu nội địa, tăng 1,5% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 15.599 tỷ đồng, đạt 73,9% dự toán, tăng 0,4% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 7.176 tỷ đồng, đạt 81,6% dự toán, tăng 3,8% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 60.761 tỷ đồng, đạt 87,9% dự toán, tăng 11,4% so cùng kỳ. Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 59.362 tỷ đồng, đạt 77,6% dự toán, tăng 8,7% so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) năm 2019 ước thực hiện 77.718 tỷ đồng, đạt 87,5% dự toán, giảm 16,6% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2019 (Tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng chi (trừ tạm ứng)	88.870	77.718	87,5	83,4
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	31.617	22.611	71,5	98,4
II- Chi thường xuyên	47.420	47.027	99,2	127,9
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	7.029	6.707	95,4	122,3
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	16.632	16.698	100,3	147,0
Sự nghiệp y tế	3.122	3.114	99,7	95,1
Quản lý hành chính	8.114	8.355	102,9	121,4

Chi đầu tư phát triển 22.611 tỷ đồng, đạt 71,5% dự toán, giảm 1,6% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 47.027 tỷ đồng, đạt 99,2% dự toán, tăng 27,9% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế ước đạt 6.707 tỷ đồng, đạt 95,4% dự toán, tăng 22,3% so cùng kỳ; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 16.698 tỷ đồng, đạt 100,3% dự toán, tăng 47% so cùng kỳ; chi sự nghiệp y tế 3.114 tỷ đồng, đạt 99,7% dự toán, giảm 4,9% so cùng kỳ; chi quản lý hành chính 8.355 tỷ đồng, đạt 102,9% dự toán, tăng 21,4% so cùng kỳ 2018.

2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động đến đầu tháng 12/2019 đạt 2.471,02 ngàn tỷ đồng, tăng 1,11% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +0,96%); tăng 13,46% so với tháng cùng kỳ năm trước. Vốn huy động của các ngân hàng thương mại cổ phần chiếm 52,23% tổng vốn huy động, tăng 15,66% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm đạt 1.096,15 ngàn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 44,36% tổng vốn huy động, tăng 6,54% so với tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 12,86%, tăng 20,92% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng VND chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 87,14%; tăng 12,44% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 12/2019 đạt 2.240,04 ngàn tỷ đồng, tăng 12,16% so tháng cùng kỳ. Trong đó, dư nợ tín dụng của các ngân hàng thương mại cổ phần đạt 1.174,00 ngàn tỷ đồng, chiếm 52,41% tổng dư nợ, tăng 12,96% so tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 163,13 ngàn tỷ đồng, chiếm 7,28% tổng dư nợ, tăng 4,89% so với tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VND đạt 2.076,91 ngàn tỷ đồng, chiếm 92,72% tổng dư nợ, tăng 12,77% so tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 11 năm 2019, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 421 gồm 377 mã cổ phiếu, 3 mã chứng chỉ quỹ, 2 mã quỹ ETF và 39 mã chứng quyền; giảm 2 mã chứng quyền so với cuối tháng trước. Các mã chứng khoán phát sinh

giao dịch phiên đầu tiên trong tháng: CGMD1901, CHPG1908, CPNJ1902, CVNM1905; các mã chứng khoán hủy niêm yết trong tháng: CHPG1906, CVIC1901, CMSN1901, CVRE1901, CREE1901, CFPT1904. Giá trị vốn hóa thị trường là 3.309.516 tỷ đồng, tăng 15,09% so với cuối năm 2018.

Trong tháng 11/2019 có 21 phiên giao dịch, 9 phiên tăng điểm và 12 phiên giảm điểm. VN-Index có những phiên tăng điểm vào đầu tháng và thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm vào các ngày: 1, 4, 5, 6. Tuy nhiên, những phiên giảm điểm sau đó đã kéo VN-Index về vùng 970 điểm. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 970,75 điểm, giảm 2,81% (tương ứng giảm 28,07 điểm) so với cuối tháng trước và tăng 8,76% (tương ứng tăng 78,21 điểm) so với cuối năm 2018.

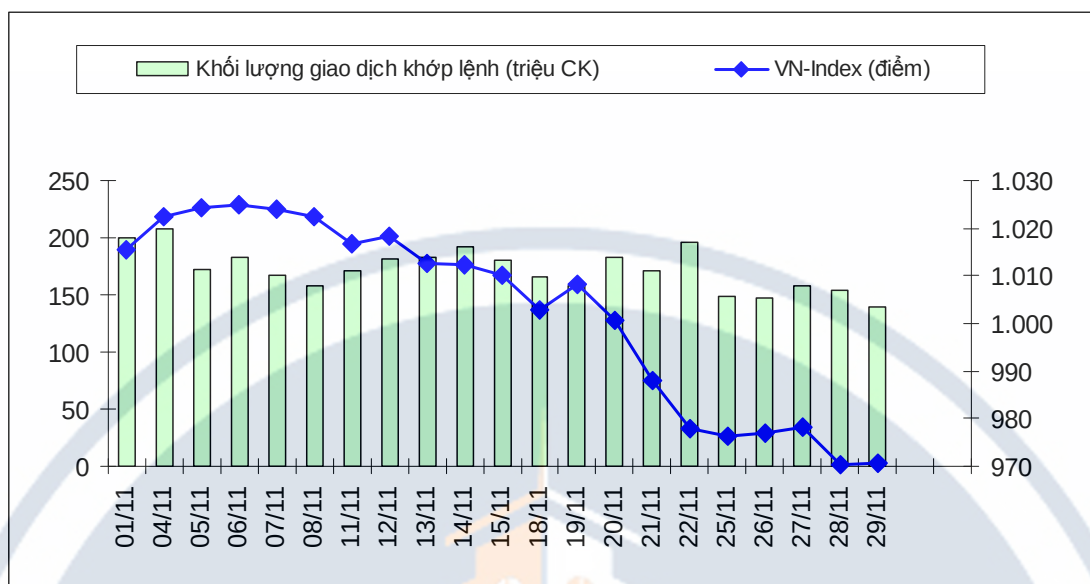
Tính từ đầu năm đến cuối tháng 11/2019, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 03/01 với 878,22 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 06/11 với 1.024,91 điểm.

Khối lượng giao dịch trong tháng 11/2019 đạt 4.426,21 triệu chứng khoán, tăng 0,88% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 98.425,21 tỷ đồng, tăng 6,49% so với tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 210,77 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 4.686,91 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 10,48% và giá trị giao dịch tăng 16,63% so với tháng trước.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 11/2019	11 tháng năm 2019	Tháng 11 so tháng 10	11 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	4.426,21	40.546,48	100,88	87,68
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	4.256,54	39.486,87	99,71	86,83
Trái phiếu	38,81	374,78	120,68	120,35
Chứng chỉ quỹ & ETF	32,48	386,00	175,85	83,85
Chứng quyền	98,38	298,83	144,59	-
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.618,21	31.702,44	101,14	80,52
Giao dịch thỏa thuận	808,00	8.844,04	99,73	128,67
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	98.425,21	930.215,10	106,49	71,84
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	93.734,46	885.078,98	105,69	70,52
Trái phiếu	3.978,85	38.633,93	120,58	120,52
Chứng chỉ quỹ & ETF	490,79	5.676,34	176,75	72,99

Đồ thị VN-Index tháng 11/2019 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 16/12/2019, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 421 (trong đó có 38 mã chứng quyền). Giá trị vốn hóa thị trường là 3.278.009 tỷ đồng, tăng 14,00% so với cuối năm 2018; VN-Index đạt 961,47 điểm, tăng 7,72% (tương ứng tăng 68,93 điểm) so với cuối năm 2018.

PHẦN B - VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI

I. GIÁO DỤC

1. Tình hình thi tốt nghiệp năm học 2018-2019

- Cấp tiểu học: Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học là 121.125 học sinh (đạt 99,96%), trong đó học sinh nữ là 58.766 học sinh (đạt 99,97%).
- Cấp trung học cơ sở: Số học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở là 93.269 học sinh (đạt 99,83%), trong đó học sinh nữ là 46.098 học sinh (đạt 99,84%).
- Cấp trung học phổ thông: Tiếp tục thực hiện thi tốt nghiệp phổ thông Quốc gia kết hợp xét tuyển đại học, Thành phố có 67.620 học sinh đăng ký dự thi, trong đó: Hệ phổ thông với 62.975 học sinh, chiếm 93,1% và hệ bổ túc văn hóa có 4.645 học sinh, chiếm 6,9%. Kết quả có 65.889 học sinh đạt tốt nghiệp, chiếm 97,44% số học sinh dự thi, trong đó: Hệ phổ thông tỷ lệ tốt nghiệp đạt 97,72% và hệ bổ túc văn hóa đạt 80,13%.

2. Tình hình tuyển sinh đầu cấp

Ngành giáo dục đang khẩn trương cho công tác tuyển sinh đầu cấp:

- Trẻ vào mầm non: Đã huy động 100% trẻ 5 tuổi trong diện đi học (sinh năm 2014) đang cư trú trên địa bàn thành phố vào lớp mầm non. Có kế hoạch đảm bảo cho trẻ ba tuổi, bốn tuổi và trẻ độ tuổi nhà trẻ được đi học. Tổ chức nhận trẻ từ 6-18 tháng tuổi.

- Tuyển sinh vào lớp 1: Đã huy động 100% trẻ 6 tuổi trong diện đi học (sinh năm 2013) đang cư trú trên địa bàn quận, huyện vào học lớp 1 theo tuyển do Ban tuyển sinh quận, huyện quy định. Không nhận học sinh học sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyển ngoài quận, huyện.

- Tuyển sinh vào lớp 6: Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học trên địa bàn quận, huyện nào được vào học lớp 6 ở các loại hình trên địa bàn đó. Thực hiện xét tuyển ở các trường THCS, riêng trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa kết hợp xét tuyển và tham gia khảo sát bằng năng lực tiếng Anh. Công tác tuyển sinh bắt đầu từ ngày 15-6 hàng năm và được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 15-7.

- Tuyển sinh vào lớp 10: Học sinh tốt nghiệp THCS tại TP.HCM trong độ tuổi quy định đều được tham gia dự tuyển vào lớp 10. Phương thức tuyển sinh có thể áp dụng 2 hình thức xét tuyển và thi tuyển. Học sinh được đăng ký 3 nguyện vọng ưu tiên 1, 2, 3 để xét tuyển vào lớp 10 các trường THPT công lập (trừ trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa và trường THPT năng khiếu Đại học Quốc gia). Môn thi gồm ba môn Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ. Sở giáo dục đã triển khai công tác chấm, công bố điểm thi vào ngày 13 tháng 6 và đã công bố điểm chuẩn vào ngày 03 tháng 7.

Tùy tình hình thực tế về cơ sở vật chất trường lớp, đội ngũ giáo viên và dân cư của mỗi địa phương, trên cơ sở tham mưu của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định phương án tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh và điểm chuẩn cho các trường theo yêu cầu và nguyên tắc tuyển sinh. Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 45 học sinh/lớp.

3. Tình hình năm học 2019-2020

Tình hình giáo dục Mầm non đầu năm học 2019-2020: Số trẻ huy động đến lớp đạt 366.785 em, tăng 0,59% so cùng kỳ. Để chuẩn bị khai giảng năm học mới thành phố đã tiến hành xây thêm trường học, phòng học nhằm giảm sĩ số học sinh/lớp, tăng số lớp học 2 buổi/ngày và nhân rộng mô hình trường chất lượng cao. Năm học 2019-2020, toàn thành phố có 1.346 trường mầm non tăng 50 trường so với cùng kỳ; xây mới, xây thay thế 397 phòng học, nâng số phòng học khối mầm non, mẫu giáo lên 16.151 phòng học, tăng 2,52% so với cùng kỳ; số lớp học của khối mầm non, mẫu giáo với 15.133 lớp, tăng 2,74%; số giáo viên hiện có 27.789 người, tăng 4,46% so với cùng kỳ. Sĩ số học sinh/lớp giảm 0,52 từ 24,76 xuống 24,24.

Giáo dục mầm non năm học 2019 - 2020

	Đơn vị tính	Năm học		% so sánh với năm học trước
		2018-2019	2019-2020	
Trường học	Trường	1.296	1.346	103,86
Phòng học	Phòng	15.754	16.151	102,52
Lớp học	Nhóm/lớp	14.730	15.133	102,74
Số giáo viên	Người	26.602	27.789	104,46
Số học sinh	Người	364.648	366.785	100,59

Tình hình giáo dục phổ thông: Năm học 2019–2020, thành phố có 979 trường phổ thông, tăng 22 trường so với cùng kỳ, trong đó: Tiểu học tăng 9 trường, Trung học cơ sở tăng 5 trường và trung học phổ thông tăng 5 trường. Nhìn chung, số phòng học, lớp học, giáo viên và học sinh đều có xu hướng tăng, Cụ thể: Số phòng học là 30.586 phòng, tăng 3,51% so cùng kỳ; số lớp học đạt 32.972 lớp, tăng 3,94%; số giáo viên có 50.495 giáo viên, giảm 1,81%; số học sinh đạt 1.318.934 học sinh, tăng 3,32% so cùng kỳ. Sĩ số lớp học ở cả ba cấp học vẫn ở mức khá cao xấp xỉ 40 học sinh/lớp (Khuyến nghị 35 học sinh/lớp). Nhằm thực hiện chỉ tiêu đến năm 2020, Thành phố đạt 300 phòng học/10000 dân số trong độ tuổi đi học (từ 3 tuổi đến 18 tuổi) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X, Sở GD-ĐT đã rà soát với 24 quận, huyện về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 với 722 dự án, quy mô 12.785 phòng học. Tính đến nay, thành phố đã đạt 276 phòng học/10.000 dân số trong độ tuổi đi học.

Giáo dục phổ thông năm học 2019 - 2020

	Đơn vị tính	Năm học (Số liệu đầu năm)		% so sánh với năm học trước
		2018-2019	2019-2020	
Trường học	Trường	961	979	102,30
Tiểu học	"	491	500	101,83
Trung học cơ sở	"	274	275	101,85
Trung học phổ thông	"	148	153	103,38
Phổ thông cơ sở (cấp 1-2)	"	4	5	125,00
Trung học (cấp 2-3)	"	44	46	104,55
Phòng học	Phòng	29.549	30.586	103,51
Tiểu học	"	14.482	14.716	101,62
Trung học cơ sở	"	9.154	9.600	104,87
Trung học phổ thông	"	5.913	6.270	106,04
Lớp học	Lớp	31.723	32.972	103,94
Tiểu học	"	15.888	16.492	103,80
Trung học cơ sở	"	10.268	10.715	104,35
Trung học phổ thông	"	5.567	5.765	103,56
Số giáo viên	Người	51.424	50.495	98,19
Tiểu học	"	20.980	21.508	102,52
Trung học cơ sở	"	17.600	16.930	96,19
Trung học phổ thông	"	12.844	12.057	93,87
Số học sinh	Người	1.276.541	1.318.934	103,32
Tiểu học	"	642.054	654.847	101,99
Trung học cơ sở	"	416.043	437.741	105,22
Trung học phổ thông	"	218.444	226.346	103,62

4. Về thu, sử dụng học phí năm học 2019–2020

Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015–2016 đến năm học 2020–2021, Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành Nghị quyết số 102/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, giữ nguyên mức thu học phí năm 2018-2019 để thực hiện cho năm học 2019-2020. Riêng đối với học phí nhà trẻ các huyện ngoại thành và bậc THCS được điều chỉnh theo Nghị quyết 25/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của HĐND Thành TP.HCM. Cụ thể mức học phí năm học 2019-2020 như sau:

Học phí các trường mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên

DVT: đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Năm học 2018 – 2019		Năm học 2019 – 2020	
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	200.000	140.000	200.000	120.000
Mẫu giáo	160.000	100.000	160.000	100.000
Tiểu học	Không thu		Không thu	
Trung học cơ sở	100.000	85.000	60.000	30.000
Bổ túc trung học cơ sở	100.000	85.000	60.000	30.000
Trung học phổ thông	120.000	100.000	120.000	100.000
Bổ túc trung học phổ thông	120.000	100.000	120.000	100.000

Trong đó:

- Nhóm 1: Học sinh học tại các trường ở các Quận (quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức và quận Bình Tân);
- Nhóm 2: Học sinh học tại các trường ở các Huyện (huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Cần Giờ và huyện Nhà Bè).

II. Y tế

1. Công tác phòng chống dịch bệnh

Từ đầu năm, ngành Y tế thành phố đã tăng cường công tác truyền thông trong cộng đồng như hướng dẫn cách phòng chống các dịch bệnh có nguy cơ cao, các việc cần làm khi sống trong ổ dịch, thảo luận với cơ quan quản lý về các giải pháp xử lý các yếu tố nguy cơ bùng phát dịch, đưa ra thông điệp chung rõ ràng cụ thể trong từng chiến dịch truyền thông cho người dân. Trong năm, ngành Y tế đã đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát công tác phòng chống dịch bệnh tại các địa phương, trong đó triển khai việc đánh giá và phân loại điểm nguy cơ phát sinh dịch bệnh từ những địa điểm dân cư, trụ sở đơn vị, cơ quan, xí nghiệp,... Sở Y tế cũng trực tiếp kiểm tra hoạt động phòng chống dịch, bệnh tại 10 quận, huyện; Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố (CDC) tiến hành kiểm tra giám sát hoạt động phòng chống dịch

bệnh trong trường học tại 24 quận huyện, từ đó trao đổi với Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân quận huyện để thống nhất các biện pháp cụ thể. Tình hình dịch bệnh trong năm 2019 cụ thể như sau:

- *Tình hình bệnh Sốt xuất huyết (SXH)*: Tính từ đầu năm đến 15/11/2019 đã có 59.091 ca bệnh Sốt xuất huyết, tăng 74% so với cùng kỳ và đã ghi nhận 09 ca tử vong (Trong đó: Huyện Củ Chi 01 ca, quận Tân Phú 01 ca, quận Bình Tân 01 ca, huyện Bình Chánh 01 ca, huyện Hóc Môn 03 ca và Quận 2 có 02 ca);

- *Tình hình bệnh Tay Chân Miệng*: Tính đến 15/11/2019 đã có 25.002 ca bệnh tay chân miệng, giảm 28% so với cùng kỳ và không có trường hợp tử vong;

- *Tình hình bệnh Sởi*: Tính đến 15/11/2019 đã có 6.456 ca bệnh, tăng 5.854 ca so với cùng kỳ (602 ca), ghi nhận không có trường hợp tử vong. Thành phố đã tích cực trong công tác phòng chống dịch bệnh, chiến dịch tiêm ngừa bổ sung mũi Sởi – Rubella cho trẻ sinh từ 2014-2017 đạt 97,2% và vượt chỉ tiêu của kế hoạch đề ra (>95%), đối với trẻ dưới 2 tuổi vẫn tiếp tục đôn đốc hoạt động tiêm chủng thường xuyên. Công tác tiêm chủng đầy đủ 8 bệnh (lao, sởi, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm gan B, viêm màng não do Hib) cho trẻ dưới 1 tuổi của thành phố là 77.030 cháu, chiếm 68,1% (tiền độ đề ra là 79,2%). Nguyên nhân của việc chưa đạt tiến độ một phần do thiếu hụt vắc-xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng (ComBe Five). Từ tháng 10/2019, chương trình tiêm chủng mở rộng đã bổ sung thêm loại vắc-xin mới (SII) song song với vắc-xin ComBe Five, ngành y tế thành phố đang tích cực truyền thông, phổ biến vận động để trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm ngừa đầy đủ, nhằm đạt chỉ tiêu đề ra vào cuối năm là 95%.

- *Các bệnh truyền nhiễm khác*: Thành phố vẫn kiểm soát tốt, không để xảy ra các ổ dịch trên địa bàn.

2. Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP)

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; đặc biệt là các thông tin hướng dẫn người tiêu dùng nhận biết và lưu ý khi lựa chọn thực phẩm an toàn. Thành phố cũng đã xây dựng 60 mô hình điểm kiểm soát điều kiện an toàn thực phẩm trong kinh doanh thức ăn đường phố tại 24/24 quận, huyện; triển khai tiếp các khu kinh doanh thức ăn đường phố điểm tại các quận huyện.

Tình hình dịch diễn biến phức tạp trong thời gian qua như dịch tả heo Châu Phi, thành phố đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, triển khai các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến, nhà hàng,... cam kết không vận chuyển, kinh doanh, tiêu thụ thịt heo, sản phẩm thịt heo không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch để tránh nguy cơ bệnh lây lan. Tổ chức lấy mẫu giám sát đối với sản phẩm nông sản thực phẩm thuộc “Chuỗi thực phẩm an toàn” tại 03 chợ đầu mối trên địa bàn thành phố để kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Đến nay, đã tổ chức lấy 400/550 mẫu thịt heo, 100/200 mẫu thủy sản, 223/570 mẫu rau quả tại chợ đầu mối nông sản thực phẩm tại 2 chợ đầu mối Bình Điền và Hóc Môn; 158/250 mẫu rau quả của các cơ sở

tham gia Đề án “Chuỗi thực phẩm an toàn”; hiện đang chờ kết quả kiểm nghiệm. Trong năm 2019, ghi nhận xảy ra 01 vụ ngộ độc tại một cơ sở sản xuất tại quận Tân Phú với 24 người mắc và không có trường hợp tử vong.

3. Công tác khám chữa bệnh và điều trị

Tình trạng quá tải tại các bệnh viện tuyến thành phố đã được khắc phục đáng kể nhờ hàng loạt các giải pháp đã được triển khai nhưng tình trạng quá tải vẫn còn do đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị, nhân lực y tế chưa đáp ứng đủ, các bệnh viện vẫn đảm nhận phục vụ cho các bệnh nhân các tỉnh (trung bình chiếm từ 40% đến 50% số lượng bệnh nhân ở các bệnh viện tuyến thành phố).

Tiếp tục phát triển mô hình phòng khám đa khoa vệ tinh của bệnh viện quận, huyện; bệnh viện tỉnh; bệnh viện trung ương đặt tại trạm y tế phường, xã; Triển khai mạng lưới cấp cứu vệ tinh 115 tại 24 quận, huyện; Triển khai hoạt động “Du lịch y tế” trên địa bàn thành phố từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo hướng đến mục tiêu đẩy mạnh phát triển các kỹ thuật chuyên sâu tại các bệnh viện công lập và tư nhân đang hoạt động trên địa bàn thành phố đáp ứng mô hình bệnh tật và nhu cầu khám chữa bệnh của người dân cư ngụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam, thu hút khách trong và ngoài nước đến thành phố kết hợp du lịch và khám chữa bệnh, hạn chế thấp nhất lượng người ra nước ngoài chữa bệnh.

Chất lượng phục vụ, chất lượng khám chữa bệnh được cải thiện rõ rệt. Phát triển đồng bộ hệ thống các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn thành phố theo định hướng phát triển chuyên sâu tại các bệnh viện, nâng cao năng lực các bệnh viện quận huyện trở thành tuyến tiếp nhận điều trị đầu tiên, đổi mới hoạt động trạm y tế hướng dẫn thu hút người dân đến khám bệnh ban đầu và quản lý sức khỏe người dân.

III. VĂN HÓA THÔNG TIN

1. Về hoạt động lễ hội

Công tác tổ chức lễ hội và các hoạt động kỷ niệm trong năm 2019 được tổ chức khá tập trung, không khí lễ hội vui tươi, lành mạnh, thu hút đông đảo công chúng, tạo ra nhiều giá trị văn hóa tinh thần đầy ý nghĩa và để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người dân cũng như du khách đến Thành phố. Lễ hội Tết Nguyên đán Kỷ Hợi được tổ chức trên tinh thần tăng cường xã hội hóa để tiết kiệm ngân sách nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu mỹ quan của Thành phố và nhu cầu vui chơi giải trí, tham quan của nhân dân. Các hoạt động kỷ niệm, tuyên truyền, cổ động chính trị luôn gắn với giáo dục lòng yêu nước, truyền thống lịch sử cách mạng của dân tộc, của nhân dân Thành phố đồng thời đáp ứng yêu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của công chúng. Nhiều hoạt động truyền thống được tổ chức hàng năm vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc, thể hiện được lòng tri ân, tưởng nhớ những công lao vĩ đại của các vị lãnh tụ, anh hùng đã dành cả cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Ngoài ra, thành phố còn tổ chức hoạt động kỷ niệm 50 năm thực hiện di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh; Kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng và 30 năm Ngày Biên phòng toàn dân; Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập công đoàn Việt Nam; Kỷ niệm 89 năm ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và trao kỷ niệm chương “vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc” và trao giải thưởng “đại đoàn kết toàn dân tộc thành phố Hồ Chí Minh” lần thứ I; Tổ chức thành công Lễ tặng và truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà Mẹ Việt Nam anh hùng” đợt 39 tại Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ nhằm ghi nhớ những hy sinh, công lao và đóng góp của các Bà Mẹ Việt Nam anh hùng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ Quốc; Phối hợp tổ chức thành công chương trình Lễ phát động cấp quốc gia thực hiện chủ đề năm 2019 “An toàn cho phụ nữ và trẻ em”; ... Nhìn chung các hoạt động phong trào tạo không khí sôi nổi thu hút sự chú ý của nhân dân.

2. Các hoạt động tuyên truyền cổ động

Công tác tuyên truyền, cổ động chính trị đã được thực hiện bằng nhiều hình thức trên diện rộng, tạo không khí sôi nổi thu hút sự chú ý của nhân dân. Hệ thống tuyên truyền cổ động chính trị do ngành Văn hóa và Thể thao thực hiện từ thành phố đến quận, huyện, phường, xã, thị trấn đã có khởi sắc hơn, đa dạng về hình thức và nội dung tuyên truyền, được thiết kế kiểu dáng hiện đại, chất liệu mới, bền, đẹp, phù hợp với cảnh quan đô thị thành phố.

3. Về hoạt động văn hóa cơ sở

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã tập hợp, phát huy những khối đại đoàn kết toàn dân, nhận được sự tham gia hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ở từng thời điểm, từng giai đoạn, góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân.

Các quận, huyện đã triển khai nhiều hoạt động phong phú và lồng ghép với việc xây dựng nếp sống văn minh, mỹ quan đô thị; Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”; Phong trào “Chống rác thải nhựa”; Phát triển Văn hóa đọc trong cộng đồng dân cư nhằm kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hiện nay, thành phố Hồ Chí Minh có 15/19 quận, huyện có Nhà Văn hóa phường, chiếm 78,95%, trong đó 56/256 Nhà Văn hóa phường đang hoạt động, chiếm 21,88%. Phần lớn thiết kế phòng chức năng trong Nhà Văn hóa phường chưa phù hợp, chưa đáp ứng yêu cầu cho hoạt động Câu lạc bộ, đội nhóm và các lớp năng khiếu. Thành phố đã tổ chức chuyến khảo sát, học tập kinh nghiệm thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Giang nhằm tiếp cận những kinh nghiệm mới, mô hình hay, giải pháp thực hiện duy trì và nâng chất hoạt động Phong trào, nhất là mô hình về xây dựng hương ước,

quy ước, xây dựng các danh hiệu văn hóa, qua đó vận dụng vào thực tiễn hoạt động phong trào trên địa bàn Thành phố.

4. Về hoạt động thư viện

Công tác phục vụ bạn đọc của Thư viện Khoa học Tổng hợp được tổ chức khá chuyên nghiệp với các loại hình dịch vụ, tài liệu phục vụ đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu bạn đọc đã thu hút được 2.946 lượt bạn đọc, phục vụ 5.991 lượt tài liệu. Tổ chức triển lãm chủ đề: “Mừng Xuân Kỷ Hợi - Mừng Đảng quang vinh” nhân Kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2019) tại Tiền sảnh với hơn 200 nhan đề sách với các chủ đề về những thành tựu và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam; lễ hội, phong tục, tập quán; văn hóa văn học; ẩm thực; cây cảnh; mỹ thuật trang trí. Và hơn 100 nhan đề Báo, tạp chí Xuân của Thành phố và các tỉnh, thành... Thư viện đã tham gia phục vụ Lễ hội Đường sách Tết Kỷ Hợi 2019 tại đường Mạc Thị Bưởi - Nguyễn Huệ - Ngô Đức Kế quận 1 với chủ đề “Muôn màu của sách” đã thu hút 201.319 lượt khách tham quan, phục vụ 289.001 lượt tài liệu. Phối hợp với các nhà xuất bản tổ chức “Ngày Hội đọc sách năm 2019” tại Tiền sảnh Thư viện Khoa học Tổng hợp đã thu hút 3.810 lượt bạn đọc, phục vụ 10.034 lượt tài liệu.

5. Công tác gia đình

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm nhân Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3; Ngày Gia đình Việt Nam 28/6; Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình (tháng 6). Đây là dịp để tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức của các sở, ban, ngành, quận, huyện, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội về vị trí, vai trò của gia đình từ đó tôn vinh, kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của gia đình Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiên tiến nhằm mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.

Triển khai thí điểm Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Quận 12 và huyện Hóc Môn. Đồng thời nhằm phổ biến rộng rãi nội dung Bộ tiêu chí đến mọi người dân, đã phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 10 tổ chức Lễ phát động triển khai Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình. Phối hợp với Sở Thông tin Truyền thông và Ban Tuyên giáo Thành ủy cung cấp nội dung “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình” đến các tổng biên tập các báo, đài trên địa bàn thành phố trong cuộc họp báo thường kỳ. Tham mưu in ấn 12.000 tờ gấp tuyên truyền “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình” cung cấp cho 24 quận, huyện và các sở, ban, ngành đoàn thể trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm triển khai sâu rộng đến mọi đối tượng. Tổ chức cuộc thi sáng tác tranh cổ động chủ đề “Gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc”; sau 4 tháng triển khai phát động, Ban Tổ chức đã nhận được 90 tác phẩm của 18 tác giả trong cả nước gửi về tham dự cuộc thi. Kết quả, có 01 giải nhất, 02 giải nhì, 03 giải ba và 10 giải khuyến khích.

Tổ chức thành công Hội nghị tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ báo cáo công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình cấp huyện cho 78 cán bộ làm công tác gia đình phường, xã, quận, huyện.

6. Về nghệ thuật

Trong năm 2019, đã thực hiện 340 suất biểu diễn phục vụ ngoại thành, vùng sâu vùng xa, trường trại của Thành phố, phục vụ 115.000 lượt người xem; thực hiện tốt kế hoạch đổi mới công tác phục vụ ngoại thành về đầu tư kinh phí, nâng cao chất lượng chương trình, mời nghệ sĩ ngôi sao, về công tác tổ chức, phối hợp với địa phương, công tác thông tin tuyên truyền quảng cáo,... đã thực hiện được 16 suất, bước đầu có kết quả tích cực, thu hút đông đảo người xem.

Điều động 08 đơn vị nghệ thuật của Thành phố đi biểu diễn tại Châu Âu, Singapore, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Đài Loan phục vụ kiều bào và quảng bá văn hóa nghệ thuật, phục vụ chính trị đối ngoại; các chuyến lưu diễn đã để lại nhiều tình cảm đối với kiều bào, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp với nước bạn về tài năng, về con người, về truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt nam, góp phần quảng bá hình ảnh về thành phố Hồ Chí Minh năng động, sáng tạo và hình ảnh đất nước, con người Việt Nam tươi đẹp.

7. Về quản lý di sản văn hóa

- **Về quản lý hoạt động bảo tàng:** Trong năm 2019, các bảo tàng tổ chức các hoạt động sưu tầm bằng hình thức như mua hiện vật, tuyên truyền, vận động các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước hiến tặng hiện vật cho bảo tàng, do vậy các bảo tàng đã sưu tầm được hàng trăm hiện vật quý, có giá trị cao, nổi bật là Bảo tàng Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận tranh của ông bà Lê Tất Luyện và Thụy Khuê tại Pháp và 04 bảo tàng (Bảo tàng Thành phố, Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ, Bảo tàng Lịch sử và Bảo tàng Mỹ thuật) được thành phố cấp 8.749 triệu đồng để mua hiện vật. Kết quả năm 2019 các bảo tàng sưu tầm được 4.094 hiện vật, tư liệu, hình ảnh và tài liệu khoa học (trong đó hiện vật gốc sưu tầm là 789 hiện vật).

Hoạt động trưng bày của các bảo tàng ngày càng tạo được nét hấp dẫn và dấu ấn riêng, các chuyên đề trưng bày đã đáp ứng được nhiều đối tượng, nhiều giới đến với bảo tàng, các bảo tàng đã có nhiều hoạt động trưng bày, triển lãm đặc sắc, hấp dẫn khách tham quan. Trong năm các bảo tàng đã tổ chức được 186 cuộc trưng bày, triển lãm.

Công tác tuyên truyền được các bảo tàng quan tâm tăng cường triển khai các chương trình giáo dục di sản văn hóa trong nhà trường, tại bảo tàng theo cách tiếp cận mới, tạo cho các em học sinh được trải nghiệm, tiếp thu được nhiều kiến thức về lịch sử, nội dung chương trình để học, để nhớ, ... góp phần đáng kể trong việc đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của đông đảo công chúng tham quan trong và ngoài nước. Tổng số khách tham quan tại 07 bảo tàng là 3.863.161 lượt khách, trong đó khách nước ngoài là 1.378.914 lượt khách.

- **Về quản lý và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa:** Hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn Thành phố đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, nhiều di tích được đầu tư tu bổ, trưng bày bổ sung, nhiều di tích đang được lập hồ sơ xếp hạng, các di tích được quản lý và sử dụng đúng mục đích, phát huy được giá trị, thu hút khách tham quan, nghiên cứu. Thành phố hiện có 172 công trình, địa điểm được xếp hạng di tích, trong đó: 02 di tích quốc gia đặc biệt (Di tích lịch sử), 56 di tích quốc gia (trong đó 02 di tích khảo cổ học, 30 di tích kiến trúc nghệ thuật, 24 di tích lịch sử) và 114 di tích cấp thành phố (67 di tích kiến trúc nghệ thuật, 47 di tích lịch sử).

- **Về quản lý di sản văn hóa phi vật thể:** Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa Lễ hội Nguyên Tiêu người Hoa ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; hướng dẫn triển khai Dự án xây dựng bộ chỉ số phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số đến năm 2020. Báo cáo Sở Nội vụ về kiểm tra tình hình thi hành và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2019. Đề xuất kinh phí thực hiện Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Đờn ca tài tử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 2018-2020). Ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình hành động về chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động về Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn Thành phố đến năm 2020 cho đồng bào các dân tộc thiểu số của Ngành Văn hóa và Thể thao Thành phố. Phối hợp với Sở Du lịch, Ban Dân tộc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Kế hoạch triển khai Đề án “Bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống của dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay”. Thông báo kết quả xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể lần thứ Hai - năm 2018 cho các cá nhân được Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng.

IV. THỂ DỤC THỂ THAO

1. Thể dục thể thao cộng đồng

Trong năm 2019 phong trào Thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục duy trì và phát triển. Thành phố đã tổ chức thành công nhiều hoạt động mang ý nghĩa tuyên truyền, lan tỏa, thúc đẩy việc tập luyện thể dục thể thao của nhân dân Thành phố như: Liên hoan Thể dục dưỡng sinh người cao tuổi năm 2019; lớp tập huấn đào tạo hướng dẫn viên yoga; “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2019”; Lễ phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước năm 2019; tổ chức hoạt động thể thao và biểu diễn Lân sư rồng, Vovinam, Võ cổ truyền trong Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương; phối hợp với Bộ môn Xe đạp, Đài truyền hình Thành phố tổ chức Cuộc đua xe đạp tranh cúp truyền hình nhân kỷ niệm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước 30/4; Giải Marathon quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019; các giải thể thao trong Lễ hội Nghinh Ông Cần Giờ,... Các phong trào thể thao cộng đồng đã tạo được không khí vui tươi sôi nổi, động viên được tinh thần luyện tập thể dục thể thao rèn luyện sức khỏe của nhân

dân Thành phố nhằm hướng ứng cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và phong trào “Khỏe để lập nghiệp và giữ nước”.

2. Về thể thao cho người khuyết tật

Năm 2019, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục là một trong những đơn vị mạnh của cả nước về phong trào thể dục thể thao cho người khuyết tật. Thành phố Hồ Chí Minh hiện có khoảng gần 30 câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật tại các Trường giáo dục chuyên biệt, Trung tâm Thể dục thể thao, Trung tâm Văn hóa – Thể thao và một số câu lạc bộ thể dục thể thao người khuyết tật tại doanh nghiệp, cơ sở thể thao ngoài công lập với khoảng gần 4.000 người khuyết tật tham gia tập luyện thường xuyên ở 19 môn thể thao (Điền kinh, Bơi lội, Cầu lông, Bóng bàn, Cử tạ, Cờ vua, Boccia, Bowling, Judo, Aikido, Bóng đá thiếu năng, Bóng đá khiếm thị, Bóng đá kết hợp cho người thiếu năng và người không bị thiếu năng, Bocce, Võ cổ truyền, Cờ tướng, Yoga, Boxing) đạt tỷ lệ 20% trong tổng số 20.000 người có khả năng tham gia.

3. Thể thao thành tích cao

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố lần thứ II nhiệm kỳ 2015 - 2020, về lĩnh vực Thể dục thể thao: “Phấn đấu giữ vững và nâng cao thành tích đã đạt được tại các kỳ Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc, nâng cao trình độ một số môn thể thao trọng điểm mà Thành phố có truyền thống, có ưu thế lên ngang tầm Châu Á và thế giới; đóng góp tích cực nâng cao số, tỷ lệ lực lượng huấn luyện viên, vận động viên tham gia cho đội tuyển quốc gia tham gia tại các kỳ Đại hội thể dục, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á và thế giới”.

Vận động viên của các bộ môn thể thao thành phố khi tham dự giải đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra ở giải quốc gia và quốc tế trong năm 2019. Trong đó có những thành tích tiêu biểu ghi đậm dấu ấn của thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, nổi bật như: Bộ môn bóng đá của Thành phố đã đạt được thành công khi câu lạc bộ Thành phố Hồ Chí Minh đã dẫn đầu giải V-League 2019 một cách thuyết phục và Câu lạc bộ Sài Gòn xếp hạng 3; Giải xe đạp toàn quốc “Non sông liền một dải” – HTV Cúp đã đạt giải nhất đồng đội, Áo vàng chung cuộc và Áo xanh chung cuộc; tại Đại hội Thể thao trí tuệ thế giới (Trung Quốc) đạt 01 Huy chương bạc môn Cờ vua và 01 Huy chương môn cờ tướng; 03 Huy chương vàng tại giải Cúp thể giới môn Aerobic (Nhật Bản).

4. Các hoạt động khác

- Về công tác kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao: Thành phố đã kiểm tra 143 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và quảng cáo, ban hành 43 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức và cá nhân với số tiền phạt 382 triệu đồng.

- Về công tác kiểm tra kinh doanh dịch vụ văn hóa – xã hội: Thành phố tiến hành kiểm tra 57 cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà hàng, karaoke, trò chơi điện tử và

dịch vụ massage trên địa bàn Thành phố, ban hành xử phạt vi phạm hành chính với số tiền phạt là 2.339,9 triệu đồng.

- *Công tác kiểm tra, xử lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa - xã hội:* Xử phạt 13 tổ chức với số tiền 350 triệu đồng về hành vi “Phổ biến trái phép bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu chưa được phép phổ biến”.

- *Công tác thực thi Luật Sở hữu trí tuệ:* Xử phạt 03 tổ chức với số tiền 45 triệu đồng về hành vi “sử dụng bản ghi âm, ghi hình nhằm mục đích thương mại đã công bố mà không trả tiền sử dụng cho chủ sở hữu”.

V. TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI (Từ ngày 15/12/2018 đến 14/12/2019)

1. Vi phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu

Qua triển khai các biện pháp công tác, thành phố đã phát hiện 903 vụ, 863 đối tượng vi phạm về trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng và chức vụ. Đề nghị khởi tố 45 vụ, 57 đối tượng, xử phạt hành chính 590 vụ với 595 đối tượng, trong đó có 07 vụ với 09 đối tượng vi phạm pháp luật về tham nhũng và khởi tố 01 vụ với 01 đối tượng. Thu giữ tài sản trị giá trên 60 tỷ đồng và hàng hóa thu giữ chủ yếu là thuốc lá ngoại, quần áo, đồ điện tử, ...

2. Phạm pháp hình sự

Thành phố tập trung chỉ đạo, triển khai nhiều giải pháp nhằm kéo giảm phạm pháp hình sự, tăng tỉ lệ điều tra khám phá án; đẩy mạnh đấu tranh triệt phá các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng sử dụng vũ khí nóng”, không để hình thành các băng, ổ nhóm tội phạm và các tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự và tệ nạn xã hội. Trong năm 2019, phạm pháp hình sự ghi nhận 4.422 vụ, giảm 7,35% (-351 vụ) so với cùng kỳ năm 2018, làm chết 84 người, bị thương 609 người và thiệt hại tài sản hơn 100 tỷ đồng. Đã điều tra, khám phá 3.372 vụ (đạt tỷ lệ 76,25%), bắt 4.401 tên và triệt phá 709 băng, nhóm tội phạm hình sự.

3. Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

- *Ma túy:* Đã phát hiện xử lý 1.648 vụ, bắt 3.925 đối tượng có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đã khởi tố 1.436 vụ, 1.882 bị can và xử lý hành chính 212 vụ với 1.043 đối tượng. Thu giữ tổng cộng hơn 356 kg Hêrôin; 1,3614 tấn ma túy tổng hợp; 5,817 kg Cocaine; 40,895 kg Cần sa và hơn 39 kg ma túy khác (PSE, lá Khát...); 22 khẩu súng cùng 382 viên đạn; 03 quả lựu đạn và nhiều tang vật khác có liên quan.

- *Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:* Đã triệt phá 04 vụ tổ chức môi giới mại dâm, xử lý 30 đối tượng.

- *Cờ bạc, cá độ:* Phát hiện, xử lý 238 vụ cờ bạc, bắt và xử phạt hành chính 1.610 đối tượng, thu giữ trên 1,7 tỷ đồng và nhiều công cụ, phương tiện phạm tội khác.

4. Trật tự an toàn giao thông

Thành phố đã tiến hành tổ chức rà soát, điều tra cơ bản các tuyến đường phức tạp về tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông để tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm soát giao thông nhằm hạn chế tối đa tai nạn giao thông xảy ra. Qua đó tính hình tính hình an toàn giao thông được đảm bảo so với các điều kiện về cơ sở hạ tầng giao thông trong tình hình hiện nay, đã kiểm chế và kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí (về số vụ, số người chết và số người bị thương). Trong năm 2019 xảy ra 668 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 11% (-88 vụ) so với cùng kỳ năm 2018, làm chết 634 người, làm bị thương 163 người và 2.727 vụ va chạm giao thông, làm bị thương nhẹ 2.243 người. Xảy ra 05 tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 05 người. Trên tuyến thủy nội địa xảy ra 06 vụ, làm 01 người chết.

5. Về tình hình cháy, nổ và cứu nạn, cứu hộ

- *Tình hình cháy và cứu nạn, cứu hộ*: Thành phố đã chủ động triển khai quyết liệt các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy; kịp thời giải quyết có hiệu quả các bất cập trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố. Trong năm 2019, ghi nhận xảy ra 342 vụ cháy, giảm 26,92% (-126 vụ) so với cùng kỳ năm trước, làm chết 11 người, bị thương 12 người, thiệt hại tài sản ước tính 10,72 tỷ đồng. Ngoài ra, xảy ra 212 vụ tai nạn, sự cố cần tổ chức cứu nạn, cứu hộ; kết quả cứu được 123 người và tìm được 28 thi thể nạn nhân. Tuy nhiên, tính chất phức tạp và mức độ thiệt hại vẫn diễn biến khó lường, nhiều vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Nguyên nhân cháy chủ yếu vẫn do sự cố hệ thống hoặc thiết bị điện.

- *Tình hình nổ*: Trong năm 2019 đã xảy ra 01 vụ nổ, làm chết 02 người, bị thương 01 người.

VI. TÌNH HÌNH ĐỜI SỐNG DÂN CƯ NĂM 2019

1. Tình hình đời sống dân cư

- *Môi trường sản xuất kinh doanh*: Trong năm 2019, Thành phố tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cụ thể hoá việc thực hiện Nghị quyết 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội; triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa, phát triển và mở cửa thị trường, tăng cường hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư trong và ngoài nước trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp.

- *Tác động của thiên tai*: Trong năm 2019 trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 01 đợt lốc xoáy và mưa giông, có 05 đợt triều cường lớn (đỉnh triều đạt và vượt mức báo động cấp III) nhưng không xảy ra sự cố bể, tràn bờ bao; 02 vụ sạt lở bờ sông, kênh, rạch nhưng không ảnh hưởng đến giao thông thủy đã làm tốc mái 03 căn nhà; ngã đổ 35 cây xanh; diện tích đất sạt lở khoảng 290 m² và 36m kè đá.

- Về dịch bệnh:

+ Dịch bệnh ở người: Thành phố đã tích cực triển khai các hoạt động phòng chống dịch bệnh đặc biệt là lễ phát động toàn thành “Ngày ASEAN phòng, chống sốt xuất huyết lần thứ 9” cấp thành phố và cấp quận huyện với các hoạt động kéo dài từ giữa tháng 5 đến hết tháng 6 như truyền thông diệt lăng quăng trong mỗi nhà dân... Ứng dụng WebGis được đưa vào triển khai tại tất cả các trạm y tế từ năm 2017 đã phát huy được tác dụng tích cực (phát hiện kịp thời ổ dịch, phạm vi cần xử lý, theo dõi diễn tiến ổ dịch).

+ Dịch bệnh trên vật nuôi, cây trồng: Chủ động triển khai tình huống 3 đối với trường hợp xảy ra bệnh dịch tả heo Châu Phi tại các hộ chăn nuôi trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 và Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 20/4/2019 của UBND Thành phố. Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố lấy mẫu giám sát chủ động bệnh dịch tả heo Châu Phi tại các trạm đầu mối giao thông, chợ đầu mối, chợ truyền thống, cơ sở giết mổ giám sát thịt, sản phẩm thịt từ các tỉnh đưa vào thành phố; tăng cường phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận huyện giám sát chặt chẽ tình hình chăn nuôi trên địa bàn; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp an toàn sinh học, tiêu độc sát trùng tại các cơ sở chăn nuôi heo; phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành về phòng, chống dịch động vật của thành phố tăng mật độ kiểm tra, giám sát tình hình vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tại các cửa ngõ giao thông ra vào thành phố; tiếp tục phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y các tỉnh trong việc kiểm soát nguồn heo an toàn đưa về thành phố tiêu thụ.

Trong 11 tháng đầu năm 2019, diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 8.184,4 ha; trên hoa lan, cây kiểng là 581,7 ha, giảm 14,9% so cùng kỳ. Với tình hình này, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đã tập trung thực hiện tích cực công tác quản lý nhà nước về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, công tác thanh kiểm tra chuyên ngành. Đặc biệt tăng cường công tác kiểm tra sinh vật hại trên đồng ruộng đã đưa ra biện pháp khắc phục nhanh chóng và hạn chế tối đa thiệt hại do sinh vật hại gây ra, thường xuyên kiểm tra sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên các vùng sản xuất rau góp phần hạn chế được việc sử dụng thuốc không đúng quy định trên đồng ruộng. Đồng thời tăng cường công tác thanh, kiểm tra an toàn thực phẩm trên rau, củ, quả góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm cho người dân trên địa bàn Thành phố.

2. Thực trạng đời sống cán bộ, công nhân viên chức, người lao động hưởng lương và giải quyết việc làm

a. Đời sống cán bộ, công nhân viên chức, người lao động hưởng lương

- *Những thay đổi về chính sách:* Nghị định 157/2018/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng cho người lao động làm việc theo hợp đồng lao động từ ngày 01/01/2019 tăng so với NĐ 141/2017/NĐ-CP, theo đó mức lương tối thiểu vùng mới cao hơn mức lương năm 2018 khoảng 160.000 - 200.000 đồng/tháng. Kể từ ngày 01/7/2019, Nghị quyết 70/2018/QH14 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hưởng mức lương mới là 1.490.000

đồng/tháng thay cho mức lương cũ là 1.390.000 đồng/tháng.

- *Thu nhập của người lao động:* Trong năm 2019 đã có 4.410 doanh nghiệp gửi thỏa ước lao động tập thể, đạt 100,2% kế hoạch năm và có 15.221 doanh nghiệp gửi thang, bảng lương, đạt 100,4% kế hoạch năm. Thành phố đã tiếp nhận và thẩm định đăng ký nội quy lao động cho 2.853 trường hợp, đạt 100,8% kế hoạch năm.

- *Về quan hệ lao động:* Tính đến ngày 10/12/2019, trên địa bàn Thành phố xảy ra 15 vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công với tổng số người tham gia 6.609 người (giảm 10 vụ và giảm 176 người so với cùng kỳ năm 2018). Các vụ tranh chấp lao động được các cấp công đoàn chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng tham gia giải quyết, ổn định tình hình an ninh trật tự và vận động người lao động trở lại làm việc. Về phía người sử dụng lao động đã cam kết thực hiện và giải quyết các kiến nghị chính đáng của công nhân lao động.

b. Tình hình giải quyết việc làm

- *Giải quyết việc làm:* Trong tháng 12/2019, các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố đã giải quyết việc làm cho 15.076 lượt lao động, trong đó có 5.911 chỗ việc làm mới tạo ra. Tính từ đầu năm đến nay, tổng số việc làm được giải quyết là 315.486 lượt lao động, đạt 105,16% so với kế hoạch năm 2019, trong đó có 136.285 chỗ việc làm mới được tạo ra, đạt 104,83% so với kế hoạch năm 2019.

- *Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp:* Trong năm 2019, đã có 155.000 người lao động nộp hồ sơ đề nghị được hưởng bảo hiểm thất nghiệp và tư vấn các chế độ cho người lao động theo quy định, trong đó 154.400 người đã có quyết định hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Tiếp tục tăng cường công tác rà soát, đối chiếu lao động tại các doanh nghiệp nhằm hạn chế người lao động đã có việc làm nhưng vẫn nộp hồ sơ để hưởng trợ cấp thất nghiệp.

- *Về công tác xuất khẩu lao động:* Từ đầu năm đến nay, đã thực hiện đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với 13.840 người, đạt 102,5% kế hoạch năm.

- *Về hoạt động dịch vụ việc làm:* Từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận, thẩm định cấp phép cho 82 doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm. Trên địa bàn Thành phố hiện có 86 doanh nghiệp có chức năng hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3. Thực trạng đời sống dân cư nông thôn

- *Tình hình sản xuất kinh doanh, thu hoạch:* Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học; giảm diện tích trồng lúa, mía, muối hiệu quả thấp sang các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của thành phố như hoa lan, cây kiểng, cá cảnh, lợn, bò thịt, chim yến, ...

- *Tác động của chính sách:* Triển khai thực hiện đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại 56 xã giai đoạn 2016 - 2020 và đề án xây dựng huyện nông thôn mới của 5 huyện ngoại thành theo Quyết định 5039/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của Ủy ban Nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung Bộ

tiêu chí nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn thành phố giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định 5134/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn vùng nông thôn thành phố giai đoạn 2018 - 2020. Đến nay bình quân mỗi xã đạt 18,66/19 tiêu chí (tăng 2,96 tiêu chí so với cuối năm 2018). Bình quân mỗi huyện đạt 7,2/9 tiêu chí (tăng 3 tiêu chí so với cuối năm 2018). Triển khai thực hiện phong trào “Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới” với sự tham gia của các quận, các tổng Công ty, các Đảng ủy cấp trên cơ sở, Đảng ủy lực lượng vũ trang thành phố, các hộ dân, hội đoàn thể...

4. An sinh xã hội

a. Công tác giảm nghèo bền vững

- Theo báo cáo của quận, huyện trong giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn Thành phố có 27.432 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,11% tổng hộ dân Thành phố và 32.143 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 1,3% tổng hộ dân Thành phố. Đã ban hành hướng dẫn về quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn tiếp cận đa chiều của thành phố áp dụng cho giai đoạn 2019-2020. Đến nay, theo báo cáo của quận, huyện đã giảm 17.685, đạt 112,64% kế hoạch năm và giảm 22.968 hộ cận nghèo đạt 113,7% kế hoạch năm.

- Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo: Tính đến 30/11/2019 có 36.036 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ vượt chuẩn cận nghèo đang vay vốn, với số tiền 940,292 tỷ đồng.

- Tổng quỹ Quốc gia về việc làm là 1.427,063 tỷ đồng. Đến 30/11/2019 có 13.768 dự án được vay với số tiền 510,972 tỷ đồng

- Tổng quỹ Hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố là 322,53 tỷ đồng, đã sử dụng 136,33 tỷ đồng.

- Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo: Tính đến 30/11/2019, đã lập danh sách in và cấp phát 143.892 thẻ bảo hiểm y tế năm 2019 cho người diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và vượt chuẩn cận nghèo năm 2018. Thành phố đã thực hiện vận động để hỗ trợ kinh phí xây dựng 263 căn nhà tình thương với số tiền 15,852 tỷ đồng; sửa chữa chống dột 313 căn với số tiền 8,129 tỷ đồng; sửa chữa và xây dựng 36 căn nhà tình nghĩa với số tiền 1,601 tỷ đồng; Chăm lo, tổ chức đi thăm, chúc tết và tặng quà cho 59.925 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới vượt chuẩn với tổng số tiền là 53,137 tỷ đồng.

b. Bảo trợ xã hội

- Công tác bảo trợ xã hội: Tính đến 30/11/2019, số đối tượng bảo trợ xã hội hiện đang quản lý tại các Trung tâm trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 6.195 người và 3.511 đối tượng đang quản lý tại 62 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập. Thành phố đã tiếp nhận, quản lý 1.256 trường hợp là đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, người xin ăn, sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định, trẻ em bị bỏ rơi, ...

- *Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em*: Tiếp tục theo dõi, giám sát việc cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; phối hợp với các đơn vị tài trợ tiếp tục theo dõi, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em, bao gồm: học bổng, dụng cụ học tập (tập vở, bút viết), xe đạp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn 24 quận, huyện; phối hợp kiểm tra, giám sát, tham vấn, tư vấn, can thiệp, hỗ trợ, xử lý kịp thời về những vấn đề có liên quan đến trẻ em, đặc biệt là đảm bảo thực hiện tốt các quyền cơ bản của trẻ em; phối hợp thực hiện công tác chăm lo cho tết cho trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn thành phố.

c. Thực hiện chính sách với người có công

Từ đầu năm đến nay, đã công nhận mới 1.995 trường hợp. Giải quyết trợ cấp thờ cúng liệt sĩ 2.345 trường hợp. Tiếp nhận 958 hồ sơ của người có công và của thân nhân liệt sĩ từ tỉnh (thành phố) khác chuyển đến. Ban hành quyết định giải quyết cho 15.570 trường hợp điều dưỡng tại nhà với tổng số tiền là 17,282 tỷ đồng; 5.096 trường hợp điều dưỡng tập trung với tổng số tiền 11,313 tỷ đồng. Cấp 12.567 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách người có công. Phối hợp với Bộ Tư lệnh thành phố tổ chức khảo sát quy tập 20 bộ hài cốt liệt sĩ đưa về an táng tại Nghĩa trang liệt sĩ.

Thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP của của Chính phủ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với người có công với cách mạng, từ đầu năm đến nay đã tổng hợp và chuyển Sở Xây dựng 37 trường hợp thuộc diện hưởng chế độ chính sách người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Phối hợp với 24 quận, huyện tổ chức thăm, tặng quà cho 354.900 người diện chính sách có công trên địa bàn thành phố nhân dịp Tết Kỷ Hợi 2019, với tổng kinh phí 334,54 tỷ đồng.

Khái quát lại, trong bối cảnh kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu suy giảm, nhưng với sự điều hành kịp thời, quyết liệt của Thành Ủy, Ủy ban và nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp cùng nhân dân Thành phố, kinh tế - xã hội của Thành phố năm 2019 có những điểm sáng tích cực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét: tỷ trọng khu vực dịch vụ đạt 61,2% (vượt chỉ tiêu Nghị quyết), khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 25,4%. Sản xuất nông nghiệp ổn định, mang lại giá trị cao, bền vững, về cơ bản đã ngăn chặn bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Môi trường kinh doanh ngày càng cải thiện, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, số giấy phép của nhà đầu tư nước ngoài đều tăng cả về số lượng (tăng 28,3%) và vốn đăng ký (tăng 2,8 lần). Kim ngạch xuất khẩu tăng cao hơn cùng kỳ góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế chung của thành phố; hoạt động kinh doanh, quảng cáo sản phẩm, đặt mua và thanh toán qua mạng điện tử, dịch vụ đặt vé, thuê phòng ... phát triển mạnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế Thành phố vẫn còn không ít khó khăn, hạn chế cũng như tiếp tục đối mặt với những thách thức mới, cụ thể: Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp (năm 2018: giải ngân đạt 76,8%; 2019 chỉ đạt 69,9%); Thời tiết diễn biến phức tạp, dịch tả lợn châu Phi lây lan trên diện rộng cả nước

làm hạn chế đến kết quả sản xuất ngành trồng trọt và chăn nuôi; Kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản là một trong những thế mạnh trong lĩnh vực xuất khẩu giảm.

Năm 2020, để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Đại hội Đảng bộ Thành phố đề ra, cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục xử lý các điểm nghẽn, nút thắt về đất đai; giải quyết các xung đột pháp lý về thủ tục giao đất, xác định đơn giá đền bù, thủ tục thanh quyết toán xây dựng cơ bản để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Trước mắt, ưu tiên tháo gỡ khó khăn cho các dự án chậm giải ngân, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa, nâng cao năng lực sản xuất cho nền kinh tế.

Hai là, có giải pháp thu hút, lựa chọn và hấp thu vốn FDI và ODA. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm ra nước ngoài nhất là xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp chủ lực, các nhóm mặt hàng Việt Nam có lợi thế từ CPTPP, EVFTA. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới trong các lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin, tài chính, giáo dục, y tế..

Ba là, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, có giải pháp khuyến khích phát triển nhà ở thương mại giá thấp, nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê. Kiểm soát chặt chẽ việc đầu cơ, tung tin đồn nâng giá bất động sản. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 23/TU về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng. Chủ động chuẩn bị nguồn hàng thiết yếu và hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng gia tăng vào thời điểm cuối năm, nhằm góp phần kiềm chế lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố.

Bốn là: trong lĩnh vực nông nghiệp, tiếp tục nhân rộng các mô hình sản xuất (cây, con, giống) có hiệu quả; tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học để cây trồng phát triển tốt, có đủ sức chống chịu sâu bệnh và sự thay đổi của thời tiết, tạo ra nông sản chất lượng cao và an toàn. Thực hiện liên kết cung – cầu sản phẩm nông nghiệp với các Vùng kinh tế từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ.

Năm là, đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, quản trị điều hành; dịch vụ hành chính công; đổi mới phương pháp dạy – học, kiểm tra – đánh giá. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án của Đô thị thông minh.

PHẦN C – KẾT QUẢ TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019

Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được tiến hành vào thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019 theo quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ Tướng Chính phủ; Đây là cuộc Tổng điều tra dân số lần thứ sáu tại thành phố Hồ Chí Minh (Tổng điều tra năm lần chung cả nước và một lần điều tra dân số giữa kỳ riêng của thành phố năm 2004). Thành ủy thành phố đã ban hành Chỉ thị số 21-CT/TU về lãnh đạo thực hiện thắng lợi Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Chỉ thị số 09/CT-UBND về công tác tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp tập trung triển khai

tuyên truyền, quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân hiểu rõ mục đích của cuộc Tổng điều tra là thu thập số liệu cơ bản về dân số và nhà ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phục vụ công tác kế hoạch phát triển thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

Tổng điều tra năm 2019 tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thu thập thông tin dưới sự trợ giúp của 100% thiết bị điện tử di động (CAPI – Computer assisted personal interviews) và điều tra qua Internet (Webform). Bên cạnh đó, tất cả các hoạt động từ chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát và xử lý dữ liệu đều được tối giản hóa các khâu thông qua Trang Web điều hành tác nghiệp, vì vậy chất lượng thông tin được nâng cao và giai đoạn công bố số liệu sớm hơn một năm so với kỳ Tổng điều tra trước, điều này đã đáp ứng số liệu một cách nhanh chóng, kịp thời và chính xác cho lãnh đạo các cấp của thành phố trong việc đưa ra chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 10 năm và 5 năm tới, hướng đến Mục tiêu phát triển bền vững của thành phố.

Một số chỉ tiêu chính về kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 trên địa bàn Thành phố:

(1) Dân số Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 là 8.993.082 người, trong đó: dân số nam là 4.381.242 người (chiếm 48,7%); dân số nữ là 4.611.840 người (chiếm 51,3%). Dân số thành thị là 7.125.493 người (chiếm 79,23%); dân số nông thôn là 1.867.589 người (chiếm 20,77%). Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố đông dân nhất cả nước chiếm tỷ trọng 9,35% dân số cả nước và 50,44% dân số vùng Đông Nam bộ. Sau 10 năm quy mô dân số của thành phố tăng thêm 1,8 triệu người; tốc độ tăng dân số bình quân của thành phố là 2,28%/năm, bình quân một năm thành phố tăng khoảng 183 ngàn người, gần bằng dân số của một quận quy mô nhỏ ở thành phố; tốc độ tăng dân số bình quân của thành phố giảm 1,24 điểm phần trăm so với giai đoạn 1999 - 2009, nhưng tốc độ bình quân chung cao hơn của cả nước (1,14%/năm) và cao thứ 2 trong vùng Đông Nam Bộ, chỉ sau Bình Dương (4,93%/năm).

(2) Số hộ của thành phố tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019 là 2.558.914 hộ dân cư chiếm 9,52% của cả nước; trong đó số hộ thành thị là 2.026.763 hộ chiếm 79,20%, số hộ nông thôn là 532.151 hộ chiếm 20,80%. So sánh giữa hai kỳ Tổng điều tra cho thấy sau 10 năm số hộ của thành phố tăng 734.092 hộ chiếm gần 1/2 số hộ tăng của cả vùng Đông Nam bộ và chiếm gần 1/6 số hộ tăng của cả nước; tỷ trọng hộ của thành phố trong cả nước tăng từ 8,13% lên 9,52% và trong vùng Đông Nam bộ tăng từ 16,46% lên 19,32%. Tốc độ tăng hộ giai đoạn 2009 - 2019 là 40,23%, bình quân mỗi năm tăng 3,38%, thấp hơn 2,47 điểm phần trăm so với bình quân giai đoạn 1999 - 2009. Qua các kỳ Tổng điều tra thì tốc độ tăng hộ ở tất cả các giai đoạn đều tăng và giai đoạn sau tăng cao hơn giai đoạn trước, riêng giai đoạn 2009-2019 thì vẫn tăng nhưng tăng chậm hơn giai đoạn 1999-2009.

(3) Mật độ dân số thành phố là 4.292 người/km², tăng 25,55% so với mật độ dân số thành phố năm 2009 (3.418 người/km²) và cũng là thành phố có mật độ dân

số cao nhất cả nước (mật độ dân số của Hà Nội là 2.398 người/km²). Mật độ dân số của quận 4 cao nhất thành phố là 41.945 người/km² và mật độ dân số huyện Cần Giờ thấp nhất là 102 người/km².

(4) Tỷ số giới tính của dân số cả nước là 99,1 nam/100 nữ. Trong đó, tỷ số giới tính khu vực thành thị là 96,5 nam/100 nữ, khu vực nông thôn là 100,4 nam/100 nữ. Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy tỷ số giới tính chung của thành phố là 95,0 nam/100 nữ, trong đó: tỷ số giới tính khu vực thành thị là 93,8 nam/100 nữ và khu vực nông thôn là 99,7 nam/100 nữ. Tỷ số giới tính của thành phố qua các thời kỳ luôn thấp nhất cả nước năm 1979 là 90,2%, năm 1989 là 88,4%, năm 1999 là 92,8%, năm 2009 là 92,2% và năm 2019 là 95,0%.

(5) Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hội tụ đầy đủ các thành phần dân tộc sinh sống và làm việc trên địa bàn thành phố trong đó: dân tộc Kinh chiếm đa số chiếm 94,77%, sau đó là các dân tộc Hoa (Hán), Khme, Chăm, ...

(6) Đến thời điểm Tổng điều tra năm 2019, có 16 tôn giáo được phép hoạt động trên địa bàn Thành phố. Tổng số có 1,7 triệu người theo tôn giáo, chiếm 18,6% tổng dân số toàn thành phố. Trong đó, số người theo “Phật giáo” là đông nhất với 842,8 ngàn người, chiếm 50,4% tổng số người theo tôn giáo và chiếm 9,4% dân số của thành phố. Tiếp đến là số người theo “Công giáo” với 758,6 ngàn người, chiếm 45,4% những người theo tôn giáo và chiếm 8,4% dân số của thành phố. Các tôn giáo còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ.

(7) Hầu hết trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh, đạt 99,7%. Kết quả này đã vượt mục tiêu về đăng ký khai sinh của Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017 - 2024 (mục tiêu đến năm 2020 có 97% trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh).

(8) Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên hiện đang có vợ/chồng của thành phố là phổ biến chiếm 59,3%, chưa có vợ/chồng chiếm 34,3%, góa/ ly hôn/ ly thân chiếm 6,4%. Có sự khác biệt về mức độ kết hôn giữa thành thị và nông thôn. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên khu vực thành thị có tỷ lệ có vợ/chồng là 57,3% thấp hơn khu vực nông thôn là 67,0%. Đặc biệt tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa từng kết hôn ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn 10,7 điểm phần trăm, tương ứng là 36,5% và 25,8%. Điều này có thể nói tới tâm lý hướng tới đời sống kinh tế độc lập, không phụ thuộc và ngày càng rõ nét nhất là trong tầng lớp trẻ tuổi.

(9) Tỷ lệ người từ 5 tuổi trở lên bị khuyết tật ở Thành phố là 2,8%. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là vùng có tỷ lệ người khuyết tật cao nhất cả nước (4,5%); Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là hai vùng có tỷ lệ người khuyết tật thấp nhất (đều bằng 2,9%).

(10) Tổng tỷ suất sinh (TFR)⁴ là 1,39 con/phụ nữ, dưới mức sinh thay thế. Điều này cho thấy Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có mức sinh thấp nhất cả nước. TFR của khu vực thành thị là 1,39 con/phụ nữ; khu vực nông thôn là 1,42 con/phụ nữ.

(11) Tình trạng sinh con ở tuổi chưa thành niên (từ 10-17 tuổi) vẫn còn tồn tại ở Thành phố 0,7‰. Trên phạm vi toàn quốc, phụ nữ chưa thành niên sinh con trong 12 tháng trước thời điểm điều tra chiếm tỷ trọng 3,3‰; cao nhất ở Trung du và miền núi phía Bắc (9,7‰) và Tây Nguyên (6,8‰). Đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ phụ nữ sinh con khi chưa thành niên thấp nhất (1,1‰).

(12) Tỷ số giới tính khi sinh của Thành phố (SRB)⁵ năm 2019 vẫn ở mức cao: 114,1 bé trai/100 bé gái, khu vực thành thị tăng thấp 111,6 bé trai/100 bé gái và tăng cao ở khu vực nông thôn 123,5 bé trai/100 bé gái. Tỷ số này cao nhất ở Đồng bằng sông Hồng (115,5 bé trai/100 bé gái) và thấp nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long (106,9 bé trai/100 bé gái).

(13) Thành phố đã đạt được nhiều tiến bộ trong nỗ lực chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em. Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi và tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi đều giảm mạnh trong vòng hai thập kỷ qua. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi (IMR)⁶ là 7,3 trẻ tử vong trên 1000 trẻ sinh sống, giảm hơn một nửa so với cách đây 20 năm. Tỷ suất này của trẻ nam cao hơn trẻ nữ 3 điểm phần nghìn (IMR của nam là 8,8, IMR của nữ là 5,8 trẻ tử vong/1000 trẻ sinh sống).

Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi (U5MR) của Thành phố năm 2019 là 11,0 trẻ em dưới 5 tuổi tử vong/1000 trẻ sinh sống. Tỷ suất này của trẻ nam cao hơn trẻ nữ 9 điểm phần nghìn (tương ứng là 15,4 và 6,4 trẻ em dưới 5 tuổi tử vong/1000 trẻ sinh sống).

(14) Tuổi thọ trung bình của người Thành phố là 76,6 tuổi; trong đó, tuổi thọ của nam giới là 74,1 tuổi, của nữ giới là 79,3 tuổi. Từ năm 1979 đến nay, tuổi thọ trung bình của Thành phố liên tục tăng, từ 66 tuổi năm 1979 lên 76,6 tuổi năm 2019. Chênh lệch về tuổi thọ trung bình giữa nam và nữ qua hai cuộc Tổng điều tra gần nhất hầu như không thay đổi, duy trì ở mức khoảng 5,2 năm.

(15) Phần lớn các trường hợp chết xảy ra trong 12 tháng trước thời điểm Tổng điều tra là do bệnh tật (95%). Ngoài yếu tố bệnh tật, tai nạn giao thông là nguyên nhân hàng đầu dẫn tới tử vong. Tỷ lệ người chết vì tai nạn giao thông cao gấp gần mười lần so với tỷ lệ người chết vì tai nạn lao động (tương ứng là 2,0% và 0,2%).

(16) Thành phố có tỷ suất di cư thuần dương 75,9‰, nghĩa là người nhập cư nhiều hơn người xuất cư. Trong đó tỷ lệ người nhập cư là 91,4‰, nhưng chỉ có 15,5‰ tỷ lệ người xuất cư khỏi thành phố trong 5 năm trước.

⁴ Tổng tỷ suất sinh (TFR) là số con đã sinh ra sống bình quân của một người phụ nữ trong suốt thời kỳ sinh đẻ (15-49 tuổi), nếu người phụ nữ đó trong suốt thời kỳ sinh đẻ trải qua Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi (ASFR) như quan sát được trong thời kỳ nghiên cứu, thường là 12 tháng trước thời điểm điều tra.

⁵ Tỷ số giới tính khi sinh (SRB) được xác định bằng số bé trai trên 100 bé gái được sinh ra trong một thời kỳ nghiên cứu, thường là 12 tháng trước thời điểm điều tra.

⁶ Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi (IMR) là số trẻ em dưới 1 tuổi chết trên 1000 trẻ sinh sống trong thời kỳ nghiên cứu, thường là 12 tháng trước thời điểm điều tra.

(17) Trong 10 năm qua, giáo dục phổ thông đã có sự cải thiện rõ rệt về việc tăng tỷ lệ đi học chung và đi học đúng tuổi. Tỷ lệ đi học chung của bậc tiểu học là 101,2%, bậc THCS là 95,4%, bậc THPT là 78,0% và sau THPT là 67,0%. Ở cấp Tiểu học, không có sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn về tỷ lệ đi học chung (101,3% so với 101,0%). Cấp học càng cao thì khoảng cách chênh lệch về tỷ lệ đi học chung giữa thành thị và nông thôn càng lớn, cụ thể: ở cấp THCS, tỷ lệ đi học chung ở khu vực thành thị cao hơn nông thôn là 4,2 điểm phần trăm; mức chênh lệch này ở cấp THPT là 14,5 điểm phần trăm và mức chênh lệch này cấp sau THPT là 32,2 điểm phần trăm. Tỷ lệ biết đọc biết viết của dân số từ 15 tuổi trở lên là 99,0%. So với 20 năm trước (năm 1999), tỷ lệ này đã tăng lên 4,7 điểm phần trăm (từ 94,3% lên 99,0%). Tỷ lệ biết chữ của nam giới là 99,2% và của nữ là 98,8%. Số liệu cho thấy vẫn có sự chênh lệch giữa nam và nữ về tỷ lệ biết chữ. Tuy nhiên, sự chênh lệch này đã giảm đáng kể trong 20 năm qua. So với Tổng điều tra năm 1999, tỷ lệ biết chữ của nữ giới đã tăng lên 6,2 điểm phần trăm và tỷ lệ này của nam giới chỉ tăng lên 2,9 điểm phần trăm. Tỷ lệ biết chữ ở hai giới gần bằng nhau, điều này chứng minh không còn sự bất bình đẳng về giới trong lĩnh vực giáo dục.

(18) Tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019 thành phố có 99,8% số hộ có nhà ở, trong đó khu vực thành thị đạt 100% số hộ có nhà ở; khu vực nông thôn đạt 99,3% số hộ có nhà ở. Trong 10 năm qua, điều kiện về nhà ở của các hộ dân cư đã được cải thiện rõ rệt, đặc biệt ở khu vực thành thị. Trong 10 năm qua, tỷ lệ hộ sống trong nhà ở kiên cố và bán kiên cố tăng mạnh từ 97,1% năm 2009, lên 99,3% năm 2019. Điều này cho thấy, sự nỗ lực của chính quyền thành phố trong việc giải quyết nhu cầu nhà ở cho các tầng lớp dân cư, phát triển nhà ở bám sát tình hình thực tế của thành phố, chuyển đổi mô hình nhà ở thấp tầng sang nhà ở cao tầng, ...các chính sách phát triển nhà ở đã được thực hiện tốt và có hiệu quả trong thời gian qua, góp phần nâng cao điều kiện sống cho người dân.

(19) Chiến lược phát triển nhà ở thành phố đã đặt ra mục tiêu “đến năm 2020, diện tích nhà ở bình quân đầu người của thành phố là 19,8 m²/người. Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, diện tích nhà ở bình quân đầu người năm 2019 của thành phố là 19,2 m²/người. Trong đó, diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực thành thị và khu vực nông thôn chênh lệch không quá lớn, tương ứng là 18,9 m²/người và 20,2 m²/người.

So với năm 2009, diện tích bình quân trên đầu người ở hai khu vực thành thị nông thôn đều tăng: khu vực thành thị tăng từ 16,5 m²/người lên 18,9 m²/người và khu vực nông thôn tăng từ 19,3 m²/người lên 20,2 m²/người. Mặc dù điều kiện nhà ở của người dân đã cải thiện trong những năm qua, thể hiện qua diện tích ở bình quân đầu người có xu hướng tăng và gần sát mục tiêu đề ra của thành phố, tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận hộ dân cư đang sống trong các ngôi nhà có diện tích chật hẹp. Khoảng 17,3% hộ dân cư (tương ứng với khoảng 1,5 triệu người) đang sống trong điều kiện nhà ở có diện tích bình quân dưới 8 m²/người.

(20) Hiện có 32,8% hộ dân cư đang sống trong các ngôi nhà/căn hộ đi thuê/mượn, tăng 18,3 điểm phần trăm so với năm 2009 (năm 2009 là 14,5%). Đặc

biệt, tại các quận, huyện đông dân cư và tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất ... tỷ lệ hộ sống trong các ngôi nhà/căn hộ đi thuê/mượn của Bình Dương (56,5%), thành phố Hồ Chí Minh (32,8%), Bắc Ninh (27,0%), Hà Nội (15,8%).

(21) Điều kiện ở và sinh hoạt của hộ dân cư cũng được cải thiện rõ rệt, có 100% hộ sử dụng điện lưới thấp sáng, tăng 0,5 điểm phần trăm so với năm 2009.

Tỷ lệ hộ dân sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh là 100%, trong đó 91,5% hộ sử dụng nguồn nước máy.

Tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh (hố xí tự hoại và bán tự hoại) là 99,3%, tăng gần 1,3 điểm phần trăm so với năm 2009.

Tiện nghi sinh hoạt của hộ dân cư đã được cải thiện với 91,6% hộ có sử dụng ti vi; 96,3% hộ có sử dụng điện thoại (cố định, di động) hoặc máy tính bảng; 61,0% hộ có sử dụng máy vi tính (bao gồm máy để bàn, laptop).

Ngoài các thiết bị sinh hoạt nghe nhìn đã đề cập ở trên, các thiết bị phục vụ sinh hoạt cơ bản khác cũng được phần lớn hộ dân cư sử dụng và tăng đáng kể so với năm 2009. Tăng cao nhất là tỷ lệ hộ sử dụng máy giặt, tăng 29,3% (năm 2009: 42,7%, năm 2019: 72%); tiếp đến là tỷ lệ hộ sử dụng tủ lạnh, tăng 23,3% (năm 2009: 64,2%, năm 2019: 87,5%) và tỷ lệ hộ sử dụng điều hòa nhiệt độ tăng 29,2% (năm 2009: 23,7%, năm 2019: 52,9%).

Đa số các hộ dân sử dụng phương tiện giao thông cá nhân có động cơ (mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện và ô tô) cho mục đích sinh hoạt của hộ (94,6%) tăng 3,5 điểm phần trăm so với năm 2009.

Tổng điều tra năm 2019 được thực hiện trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ. Công nghệ thông tin được ứng dụng trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra, từ việc thu thập thông tin, kiểm tra logic, tổng hợp dữ liệu. Chất lượng thông tin được nâng cao thông qua các ứng dụng được thiết lập như định vị GPS cho các hộ được điều tra, giám sát thời gian thu thập, đồng thời, tránh tình trạng bỏ sót câu hỏi như phiếu giấy, các lỗi logic được phát hiện và xác minh thông tin ngay tại hộ,... Dữ liệu thu thập được lưu giữ và đồng bộ lên hệ thống mạng máy tính, nhanh chóng truyền tải đến cơ sở dữ liệu chung. Chính vì thế, thời gian tổng hợp và công bố dữ liệu được rút ngắn hơn 1 năm (so với năm 2009), kịp thời phục vụ cho việc đánh giá và hoạch định các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từ kết quả Tổng điều tra năm 2019 có thể phác họa lên bức tranh toàn cảnh về tình hình dân số và nhà ở của thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những thành quả quan trọng trên các lĩnh vực: y tế, giáo dục, việc làm và điều kiện sống của người dân. Quy mô dân số tăng với tốc độ chậm hơn so với giai đoạn 10 năm trước. Trình độ dân trí đã được cải thiện, cơ hội đi học theo đúng độ tuổi quy định của trẻ em ngày càng được đảm bảo, tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường giảm mạnh; tỷ lệ dân số có trình độ CMKT tăng mạnh. Sức khỏe của người dân đặc biệt là sức khỏe của bà mẹ và trẻ em được tăng cường. Tỷ lệ người khuyết tật giảm; tuổi thọ của người dân tăng cao; tỷ suất chết của trẻ em và tỷ số tử vong mẹ giảm mạnh. Vấn đề giải quyết việc làm và nâng cao năng lực cạnh tranh cho người lao động được chú trọng. Chuyển dịch cơ cấu

ngành kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ ở Thành phố theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong khu vực Công nghiệp, xây dựng và Dịch vụ và giảm tỷ trọng lao động trong khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản. Nhà ở và điều kiện sống của các hộ dân cư đã được cải thiện rõ rệt, đặc biệt ở khu vực thành thị. Hầu hết các hộ dân cư đều có nhà ở và chủ yếu sống trong các loại nhà kiên cố và bán kiên cố; tỷ lệ hộ không có nhà ở giảm mạnh; tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới và nguồn nước hợp vệ sinh tăng mạnh; tỷ lệ hộ có các thiết bị sinh hoạt hiện đại phục vụ cuộc sống cũng tăng cao.

Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy nỗ lực và hiệu quả của các chính sách trong thời gian qua đã được thực hiện tốt. Thành quả này có được là nhờ các chủ trương, đường lối, chính sách và sự lãnh đạo đúng đắn của Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố trong nhiều năm qua, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị của toàn thành phố, sự tin tưởng và những nỗ lực không ngừng của mỗi người dân thành phố. Kết quả này sẽ là một bộ dữ liệu quan trọng và không thể thiếu trong việc xây dựng và hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt trong việc đánh giá lại các kế hoạch nhiệm kỳ qua và chuẩn bị các văn kiện, kế hoạch cho nhiệm kỳ Đại hội Đảng các cấp giai đoạn 2020-2025 của thành phố và các nhiệm kỳ tiếp theo.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội tháng 12, năm 2019 và kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Thành phố Hồ Chí Minh.